VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VÕ THỊ KIỀU NGÂN

TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Võ Khánh Vinh

Hà Nội - 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ 6

1.1. Khái niệm tranh tụng 6

1.2. Nội dung tranh tung tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự 10

1.3. Các yếu tố đảm bảo tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự 14

1.4. Tranh tụng của các mô hình tố tụng trên thế giới 19

Chương 2 QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH 27

2.1. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự 27

2.2. Thực tiễn tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Định giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 35

2.3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Định 44

Chương 3 NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ 55

3.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự 55

3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự 57

KẾT LUẬN 69

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 72

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
CA	Công an
KSV	Kiểm sát viên
VKS	Viện kiểm sát
TAND	Tòa án nhân dân
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Những năm qua, tình hình vi phạm pháp luật ở nước ta xảy ra nghiêm trọng, diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng ảnh hưởng đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với sự nỗ lực của toàn xã hội, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng trong công tác tư pháp nên góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh - chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, chất lượng công tác tư pháp nói chung và công tác xét xử nói riêng còn chưa ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, còn bộc lộ nhiều yếu kém, bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội và công dân. Điều đó đã tạo nên dư luận xã hội không tốt, khiến nhân dân thiếu lòng tin vào các cơ quan tố tụng và nền công lý xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị ra đời vào ngày 02/01/2002 được xem như sự mở đầu cho công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta. Nghị quyết này đề cập nhiều nội dung khác nhau của công tác tư pháp từ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử cho đến việc đào tạo cán bộ tư pháp nhưng tăng cường yếu tố tranh tụng trong quá trình xét xử vụ án hình sự được coi là điểm nhấn của cải cách tư pháp và là vấn đề trọng tâm của Nghị quyết. Điều này đã được tiếp tục khẳng định ở Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết nêu "Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp…". Bên cạnh đó, lần đầu tiên Hiến pháp năm 2013 ghi nhận "Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" tại khoản 5 Điều 103.

Như vậy, một vấn đề cấp bách được đặt ra đối với các cơ quan tư pháp là làm thế nào để đạt được những yêu cầu đó. Trong nỗ lực chung, thì việc

nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa là cần thiết.

Pháp luật tố tụng hình sự nói chung và BLTTHS nói riêng giữ vai trò rất quan trọng trong việc thể chế hoá những quy định của Hiến pháp, các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước và phản ánh tiến trình dân chủ hoá cuộc sống xã hội theo hướng nhà nước pháp quyền thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Do vậy, BLTTHS năm 2015 vừa được Quốc hội thông qua đã ghi nhận tranh tụng là một nguyên tắc tố tụng cơ bản. Tuy nhiên, tranh tụng còn nhiều vướng mắc cả về lý luận và thực tiễn.

Trước yêu cầu của thực tế, đảm bảo sự dân chủ, bình đẳng trong hoạt động tố tụng hình sự tránh bỏ lọt tội phạm làm oan người vô tội; đồng thời góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận, tác giả chọn đề tài: "***Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định***" làm luận văn Thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thuật ngữ tranh tụng đã được đề cập trong khoa học pháp lý Việt Nam từ năm 1995 tại Hội thảo khoa học "Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của TTHS Việt Nam". Sau đó, có nhiều bài viết, bài nghiên cứu đề cập đến vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự như: "*Tranh tụng trong tố tụng hình sự*" của tác giả Nguyễn Đức Mai trong cuốn kỷ yếu: "*Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*" - Viện kiểm sát nhân dân tối cao năm 1995,.. Đặc biệt từ khi có Nghị quyết 08/NQ-TW, ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị và BLTTHS năm 2003 được thông qua thì thuật ngữ tranh tụng được các nhà nghiên cứu bàn luận khá nhiều trên các tạp chí chuyên ngành như: bài "*Về tranh tụng tại phiên tòa hình sự*" của tác giả Tống Anh Hào trong Tạp chí Tòa án nhân dân số 5/2003; bài "*Bàn về vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự*" đăng trong Tạp chí Kiểm sát, tháng 9/2003 của tác

giả Trần Đại Thắng; "Cải cách tư pháp và vấn đề tranh tụng" của TS. Nguyễn Mạnh Kháng; bài viết của nhiều tác giả trong Đặc san nghề luật số 5/2003 về chuyên đề mở rộng tranh tụng; cuốn chuyên khảo "*Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*" do TSKH Lê Cảm và TS. Nguyễn Ngọc Chí đồng chủ biên, có nhiều bài viết của các tác giả (Nxb Đại học quốc gia, 2004) và gần đây nhất là bài viết "Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử và việc cụ thể hóa trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015" của TS. Trần Công Phàn trong cuốn sách chuyên khảo "Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015".

Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu vào nghiên cứu về tranh tụng tại phiên tòa ở thực tiễn một địa phương nhất định để làm điển hình trong việc tìm ra những bất cập vướng mắc từ đó đề ra những giải pháp mang tính thực tế nhất và chưa từng có công trình nghiên cứu nào trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Do đó, việc nghiên cứu đề tài "*Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định*" đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của tình hình hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nhằm làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn, bản chất, nội dung của tranh tụng tại phiên tòa hình sự, chỉ ra những bất cập còn tồn tại của việc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Bình Định, thông qua đó đề xuất những giải pháp thiết thực nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự, hướng tới xây dựng một phiên tòa hình sự thực sự công bằng, dân chủ góp phần thực hiện quá trình cải cách tư pháp.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp luật của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự.

- Nghiên cứu những quy định về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, phân tích các ưu nhược điểm, cũng như những vướng mắc khi áp dụng, đồng thời tìm ra nguyên nhân của những hạn chế trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và những đánh giá về thực trạng tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự, luận văn nêu ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2015 và trước yêu cầu cải cách tư pháp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài vận dụng các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành liên quan đến tranh tụng và đảm bảo tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự làm đối tượng nghiên cứu.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Do tính chất rộng lớn của vấn đề nghiên cứu nên trong phạm vi của một luận văn thạc sỹ, đề tài chỉ tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

- Nội dung: Nghiên cứu các nội dung về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự trong TTHS Việt Nam và trước yêu cầu cải cách tư pháp.

- Không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Thời gian: Đề tài nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Định trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước ta về chiến lược cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể là: thống kê tội phạm, tổng kết kinh nghiệm, phân tích, tổng hợp, so sánh.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần làm sáng tỏ lý luận khoa học, cơ sở pháp lý về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự trong tố tụng hình sự trên một địa bàn cụ thể trong một khoảng thời gian xác định, góp phần hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Góp phần mở rộng dân chủ trong tố tụng hình sự, đảm bảo quyền con người, phù hợp với xu thế dân chủ hóa của thời đại. Mặt khác, luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho những người có nhu cầu nghiên cứu vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các từ viết tắt, nội dung luận văn được bố cục thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Chương 2: Quy định của pháp luật và thực tiễn tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam tại tỉnh Bình Định

Chương 3: Nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm tranh tụng

Pháp luật TTHS hiện hành không nêu khái niệm tranh tụng. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận "Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" và nguyên tắc này đã được thể chế hóa trong BLTTHS năm 2015 tại Điều 26.

Thuật ngữ tranh tụng được sử dụng phổ biến ở các nước trên thế giới và được ghi nhận là nguyên tắc cơ bản trong pháp luật hình sự [13, tr.38]. Ở Việt Nam, những năm gần đây các chuyên gia pháp lý có những bài viết đề cập vấn đề này với nhiều quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng "Tranh tụng là một thuật ngữ Hán nôm dùng để chỉ một cuộc tranh luận về một vụ án bằng cách các bên tham gia đưa ra lý lẽ, chứng cứ và các văn bản pháp luật làm cơ sở cho sự buộc tội hay bào chữa của mình để người thứ ba đứng giữa hai bên là Tòa án làm trọng tài phân xử [13 tr. 32]. Quan điểm này được nhiều tác giả đồng ý, nó thể hiện hoàn chỉnh, đầy đủ về chủ thể tham gia tố tụng, nội dung tranh tụng cũng như kết quả tranh tụng.

Tranh tụng là một cuộc "chiến đấu" rất gay gắt trên các bình diện chứng cứ, lý lẽ và vận dụng pháp luật giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Sự xuất hiện của Tòa án trong quá trình tranh tụng sẽ quyết định ai thuyết phục hơn trong lập luận chứng minh cho quan điểm của mình.

Tranh tụng tồn tại một cách khách quan, khi xuất hiện chức năng buộc tội, bào chữa, xét xử thì tranh tụng xuất hiện. Bên buộc tội và gỡ tội thể hiện quan điểm của mình, trên cơ sở đó HĐXX lắng nghe, xem xét và ra phán quyết lấy pháp luật làm căn cứ, lấy kết quả tranh tụng làm cơ sở. Quá trình tranh tụng ở nghĩa đầy đủ nhất chỉ có thể được tiến hành tại phiên tòa xét xử

với sự tham gia bình đẳng của các chủ thể buộc tội, gỡ tội và chủ thể khác dưới sự điều khiển của HĐXX. Tuy nhiên, trong khái niệm này tác giả đã phủ nhận sự tồn tại tranh tụng trước khi mở phiên tòa.

Quan điểm thứ hai, cho rằng "Tranh tụng là quá trình tồn tại, vận động và đấu tranh giữa hai chức năng đối trọng nhau là tiền đề cần thiết, khách quan cho hoạt động xét xử" [12, tr.99].

Tranh tụng trong TTHS là quá trình cọ xát các quan điểm, các lập luận giữa các bên đối lập theo quy định của pháp luật, Tòa án làm trọng tài phân xử khi quá trình đó lên "đỉnh điểm" nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án, giải quyết vụ án được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo vệ quyền con người.

Quan điểm này thể hiện toàn bộ "cục diện" của quá trình tranh tụng. Bởi lẽ, tranh tụng là sự đối kháng về quan điểm, về luận cứ giữa các bên buộc tội và bên gỡ tội. Nghĩa là, có hoạt động buộc tội và gỡ tội thì tranh tụng biểu hiện tập trung, công khai và đầy đủ nhất. Và sự xuất hiện của Tòa án cũng báo hiệu tranh tụng sắp đến hồi kết, với kết quả của nó là một phán quyết được tuyên. Tuy nhiên theo chúng tôi, quan điểm này vẫn còn thiếu, bởi thực tế không phải lúc nào việc tranh tụng tại phiên tòa cũng diễn ra theo hướng bên buộc tội và bên gỡ tội đối trọng nhau. Có những vụ án, VKS và bị cáo vốn là hai bên đối trọng nhau trong cùng một vụ án có cùng quan điểm về vụ việc ngược lại với quan điểm của người bị hại. Hay cũng có vụ án bị cáo và bị hai cùng có chung quan điểm trái ngược với VKS.

Theo tác phẩm: "Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tuc tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp" do Tiến sỹ Lê Hữu Thể cùng một số tác giả đồng chủ biên, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật. Hà Nội 2013 thì thuật ngữ "tranh tụng" được sử dụng trong khái niệm về mô hình tố tụng- được hiểu với nghĩa là cách thức tổ chức hoạt động tố tụng

hình sự tìm đến sự thật khách quan của vụ án" [38, tr. 89]. Theo các tác giả, về cách thức tiến hành tố tụng hình sự phổ biến trên thế giới hiện nay, đa số người thường hay nhắc đến mô hình tố tụng tranh tụng, thẩm vấn và mô hình tố tụng có đan xen, kết hợp. Mô hình tố tụng hình sự tranh tụng thường được áp dụng tại các nước có truyền thống án lệ. Mô hình tranh tụng có những đặc điểm cơ bản sau đây: (1) Có sự phân định rành mạch quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện các chức năng cơ bản của TTHS; trong đó Toà án có vai trò thụ động và trung lập, làm trọng tài điều khiển sự tranh tụng giữa các bên. (2) có hệ qui tắc phức tạp chi phối toàn bộ hệ thống tố tụng, trong đó qui tắc về chứng cứ có ảnh hưởng lớn nhất vì nó kiểm soát loại chứng cứ nào có thể được đưa ra trước những người có thẩm quyền; nói cách khác là qui tắc này quyết định chứng cứ có được chấp nhận hay không; (3) vai trò của công tố mờ nhạt trong hoạt động điều tra, trong khi đó vai trò của Luật sư bào chữa được tham gia rất sớm vào TTHS; (4) có chứa đựng yếu tố thú tội và mặc cả thú tội; (5) Luật sư bào chữa có vai trò rất lớn trong việc thuyết phục Thẩm phán và Bồi thẩm đoàn đưa ra quyết định, tuy nhiên (6) hoạt động bào chữa của Luật sư cũng phải trong khuôn khổ pháp luật; (7) khuyến khích bị cáo nhận tội để có thể được miễn truy tố hoặcgiảm nhẹ hình phạt; và (8) trong mô hình tố tụng tranh tụng, nguyên tắc phân quyền qui định Toà án là bộ phận độc lập tách rời khỏi hành pháp và tư pháp. Với những đặc điểm cơ bản nói trên, mô hình tố tụng tranh tụng có những ưu điểm như: Phân định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện các chức năng cơ bản của TTHS; quyền của người bị buộc tội và của người bào chữa được mở rộng và triệt để được tôn trọng; vì thế nhiều người cho rằng mô hình tranh tụng có khả năng phòng chống oan sai có hiệu quả.

Tùy theo cách tiếp cận mà tác giả xây dựng cho mình quan điểm, các quan điểm đều có hạt nhân hợp lý làm cơ sở nghiên cứu về tranh tụng.

Theo chúng tôi, tranh tụng trong TTHS là hoạt động đấu chứng, đấu lý trên cơ sở quy định của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự cụ thể được thực hiện chủ yếu bởi bên buộc tội và bên gỡ tội trong tất cả các giai đoạn tố tụng. Tranh tụng biểu hiện công khai, khách quan, toàn diện tại phiên tòa, khi đó Tòa án với tư cách là "trọng tài" điều khiển phiên tranh tụng, đồng thời lấy kết quả tranh tụng làm cơ sở ra phan quyết về vụ án đó.

Theo chúng tôi, bản chất của tranh tụng được nhìn nhận dưới gốc độ pháp lý và nhận thức.

Góc độ pháp lý, bản chất của tranh tụng có nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tranh tụng là hoạt động TTHS được thực hiện chủ yếu bởi bên buộc tội và bên gỡ tội nên hoạt động tranh tụng phải tuân theo các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS [8, tr. 99].

Thứ hai, chủ thể của tranh tụng gồm có Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng khác. Các chủ thể xuất phát từ những địa vị pháp lý khác nhau nhưng bình đẳng với nhau về quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, yêu cầu, quan điểm giải quyết vụ án. Kiểm sát viên có thể tranh tụng với người bào chữa, với bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ sự thật khách quan là đối tượng của tranh tụng.

Thứ ba, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa diễn ra dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu các bên tiến hành tranh tụng hoặc chấm dứt tranh tụng, điều chỉnh nội dung cũng như phương pháp tranh tụng cho phù hợp với quy định của pháp luật và những vấn đề cần làm rõ trong khi giải quyết vụ án.

Thứ tư, mục đích của hoạt động tranh tụng là nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Sự thật khách quan này bao gồm sự thật như nó diễn ra trên thực tế và được tiếp nhận, nhìn nhận, đánh giá dưới dóc độ pháp lý hình

sự và TTHS; Ngoài ra, mục đích tranh tụng còn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của chủ thể, bảo vệ quyền con người, góp phần hạn chế oan, sai và mở rộng dân chủ trong TTHS.

Thứ năm, đối tượng của hoạt động tranh tụng là các quan điểm, luận cứ và luận chứng của các bên trong việc giải quyết vụ án. Cách thức tranh tụng là các bên chủ thể tranh tụng sử dụng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chứng cứ mới cung cấp đã được kiểm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật hiện hành để làm rõ các đối tượng tranh tụng.

Dưới góc độ coi tranh tụng là hoạt động tư duy, nhận thức thì bản chất của tranh tụng có các nội dung sau:

Thứ nhất, tranh tụng được tiến hành trên cơ sở tư duy logic. Các bên tranh tụng có thể sử dụng các kỹ năng tranh tụng khác nhau để khẳng định, chứng minh cho quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm hoặc thừa nhận quan điểm của bên tranh tụng đối lập.

Thứ hai, tranh tụng không chỉ là quyền, là trách nhiệm của các bên tham gia tranh tụng mà còn là một phần của sự thật khách quan của vụ án. Nói cách khác, tranh tụng không chỉ là phương tiện để đạt được sự thật khách quan mà tranh tụng còn là một phần của sự thật khách quan của vụ án. Chân lý về vụ án phải tìm thấy, có được thông qua tranh tụng. Tất nhiên, thuộc tính này của tranh tụng là xét xử về nguyên tắc. Với các vụ án mà bị cáo nhận tội và có đủ chứng cứ đế khẳng định lời nhận tội của bị cáo là có cơ sở, tại phiên tòa không có những quan điểm xung đột thì không phát sinh tranh tụng hoặc nếu có thì chỉ ở mức độ nhất định [39, tr. 4].

1.2. Nội dung tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Xuất phát từ bản chất, mục đích của tố tụng tranh tụng nên tại phiên tòa phải giải quyết các nội dung sau:

Thứ nhất, dưới sự chủ trì của Chủ tọa phiên tòa các bên hỏi và trả lời câu hỏi để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Tại phiên tòa để làm sáng tỏ sự thật vụ án thì tranh tụng là quá trình quan trọng, nó bao gồm việc chất vấn liên tục, tranh luận giữa một bên đại diện cho Nhà nước thực hành quyền công tố - bên buộc tội, còn bên kia là bên gỡ tội - bị cáo và Luật sư, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo. Công tố viên nhân danh Nhà nước sẽ là người đưa ra những chứng cứ, những lập luận để bảo vệ lời buộc tội (cáo trạng), và đến lượt bị cáo và người bào chữa thể hiện ngay thái độ của họ đối với lời buộc tội đó. Sau khi xem xét chứng cứ do bên buộc tội đưa ra, Hội đồng xét xử xem xét đến chứng cứ do bên gỡ tội đưa ra và những lý lẽ để bào chữa. Đây là quá trình mà mỗi bên đều dùng những lý lẽ, chứng cứ để chứng minh cho luận điểm của mình nên có thể nói những lý lẽ đó hoàn toàn trên cơ sở ý chí chủ quan của mỗi bên, và chứng cứ là để phục vụ cho ý chí đó. Vì vậy, cần thiết phải có người đứng ra là trọng tài giữa việc tranh tụng đó, chỉ có Tòa án mà ở đây là Hội đồng xét xử đảm nhiệm công việc đó là khách quan và chính xác nhất xét cả về phương diện lý luận cũng như thực tiễn. Chủ tọa phiên tòa không chỉ là người điều khiển phiên toà nói chung mà họ cũng là phần quan trọng không thể thiếu của quá trình tranh tụng. Chủ tọa phiên tòa với vai trò chủ trì, điều khiển phiên tòa có toàn quyền quyết định nội dung việc xét hỏi, hướng cho hai bên hỏi và trả lời câu hỏi đi vào trọng tâm của vấn đề, nhằm giải quyết vụ án. Chủ tọa phiên tòa tạo điều kiện cho các bên tranh luận không hạn chế nhưng cũng tránh cho các bên đi vào những tình tiết vụn vặt không có giá trị làm sáng tỏ nội dung vụ án hoặc Chủ tọa phiên tòa dừng việc hỏi và đáp giữa hai bên hướng sang vấn đề khác nếu nội dung đó đã được làm sáng tỏ. Trong quá trình đó Hội đồng xét xử luôn thể hiện sự khách quan, tập trung lắng nghe việc tranh tụng của các bên để thấy được sự thật khách quan của vụ án, có tội hay không có tội ở những chứng cứ

nào; nếu có tội thì ở mức độ như thế nào, những tình tiết, chứng cứ nào thể hiện mức độ tăng nặng, những tình tiết, chứng cứ nào là giảm nhẹ. Những chứng cứ nào là hợp pháp, những chứng cứ nào không được công nhận là hợp pháp. Nếu có vật chứng thì xem xét vật chứng để thấy sự phản ánh dấu vết tội phạm trên đó ở mức độ như thế nào. Từ đó để thấy những tình tiết chứng cứ nào còn chưa rõ những vấn đề còn mâu thuẫn, Chủ tọa phiên tòa cho hai bên tranh luận rõ hơn, chất vấn nhau nhiều hơn để thấy bật ra được vấn đề, đồng thời dựa trên sự đánh giá khách quan toàn diện những chứng cứ, tình tiết, quá trình tranh luận trên mà Hội đồng xét xử sau đó có phán quyết công bằng.

Để tranh tụng tại phiên tòa đạt được kết quả, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa có quyền áp dụng quy định của phát luật tố tụng hình sự điều khiển phiên tòa theo đúng tiến trình tranh tụng. Cũng trên cơ sở của Luật tố tụng hình sự, họ có thể cho phép mọi người liên quan đến quá trình tranh tụng được vào phiên tòa; trong trường hợp cần thiết, Chủ tọa phiên tòa cách ly bị cáo, nhân chứng để đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa diễn ra khách quan, có hiệu quả.

Thứ hai, áp dụng những quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Để phục vụ cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa, hai bên buộc tội và gỡ tội đều đã chuẩn bị cho mình những tài liệu chứng cứ cần thiết để bảo vệ lý lẽ của mình. Trong quá trình đó cả hai bên đều đã phải vận dụng những quy định của pháp luật không chỉ về luật hình thức mà còn cả luật nội dung. Đó là quá trình dựa vào chứng cứ đã được thu thập, căn cứ vào các điều khoản được quy định trong luật và các văn bản khác để đối chiếu so sánh tìm ra những tình tiết buộc tội và gỡ tội, và như thế bên gỡ tội thì tận dụng tối đa những chi tiết dù là nhỏ nhất để phản bác lại sự buộc tội của bên kia, còn bên buộc tội sẽ cố gắng truy tố với những chứng cứ chặt chẽ nhất nhằm không bỏ lọt tội phạm vì vậy họ cũng không bỏ qua những chi tiết dù là nhỏ nhất.

Tới khi ra phiên tòa, cả hai bên đều trình bày sao cho có sức thuyết phục nhất trước Hội đồng xét xử và những người tham dự phiên tòa. Vì vậy cả hai bên sẽ cố gắng đề cập đến mọi tình tiết có lợi nhất của vụ án một cách trực tiếp, liên tục. Họ chất vấn nhau nhưng không phải vô tổ chức mà dưới sự điều khiển của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa. Họ có quyền phản đối quan điểm của bên kia đặt câu hỏi, đưa ra những chứng cứ để chứng minh cho luận điểm của mình phản bác lại bên kia. Trong quá trình đó họ toàn quyền tranh luận về những vấn đề để làm sáng tỏ vụ án, việc tranh luận không bị hạn chế nếu như không đi ra ngoài nội dung vụ án. Có quyền vận dụng những quy định của pháp luật để đề nghị Chủ tọa phiên tòa có những quyết định tại phiên tòa thuận lợi cho việc tranh tụng và chứng minh sự thật của vụ án. Đây là cuộc đấu giữa hai bên buộc tội và gỡ tội nên nó có sự đối kháng rõ rệt và phần thắng sẽ thuộc về bên nào có những chứng cứ thuyết phục, lý lẽ sắc bén hơn để Hội đồng xét xử và người tham dự phiên tòa chấp nhận.

Thứ ba, đảm bảo việc đưa ra xem xét các chứng cứ, tài liệu minh chứng cho luận điểm của mỗi bên. Trong quá trình tranh tụng, chứng cứ là căn cứ quan trọng để làm sáng tỏ sự thật của vụ án. Tranh tụng tại phiên tòa là trung tâm của hoạt động tố tụng, ở thủ tục tố tụng tranh tụng không chia thành các giai đoạn rõ rệt nên cũng không có giai đoạn điều tra riêng biệt mà chỉ có sự thu thập chứng cứ chuẩn bị của hai bên buộc tội và gỡ tội. Trên cơ sở sự chuẩn bị ấy, tranh tụng được diễn ra tại phiên tòa. Thông qua phiên tòa Hội đồng xét xử có phán quyết đối với bị cáo - có tội hay không có tội, ở mức độ nào, hình phạt ra sao. Quá trình xem xét đánh giá chứng cứ được xác định qua hoạt động tranh tụng, chứng cứ được đánh giá không đúng làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án và như vậy hoạt động tranh tụng không còn ý nghĩa. Chủ tọa phiên tòa sẽ đảm bảo cho việc đưa ra chứng cứ của mỗi bên, thông qua quá trình hỏi đáp, chất vấn liên tục giữa hai bên

buộc tội và gỡ tội Hội đồng xét xử và những người tham dự phiên tòa có thể thấy được những điểm còn mâu thuẫn của lý lẽ giữa các bên, thấy được sự không thuyết phục của chứng cứ mà bên nào đó đưa ra. Từ đó xem xét đánh giá chứng cứ được chính xác. Đây là một cuộc đấu chủ yếu diễn ra giữa hai bên buộc tội và gỡ tội nhưng để cuộc đấu đó được khách quan và có chất lượng thì phải đảm bảo được sự minh bạch khách quan của các chứng cứ thông qua việc đưa ra xem xét công khai tại phiên tòa theo quy tắc về chứng cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

1.3. Các yếu tố đảm bảo tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Để xác định sự thật khách quan của vụ án thì phiên tòa phải đảm bảo nguyên tắc tranh tụng và như thế cần phải có những yếu tố đảm bảo thực hiện:

1.3.1. Chủ thể tranh tụng

Trước hết, tham gia vào quá trình tranh tụng bao giờ cũng phải có ba chủ thể của quan hệ tranh tụng. Một bên là Công tố viên nhân danh Nhà nước thực hành quyền công tố (bên buộc tội) và một bên là Luật sư, bị cáo (bên gỡ tội). Quá trình tranh tụng phải được diễn ra và tiến hành theo đúng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự cả về hình thức, nội dung cũng như về không gian và thời gian. Trong quá trình này từ khi bắt đầu phiên tòa đến khi kết thúc phiên tòa, vai trò trung tâm và quyết định luôn luôn thuộc về Hội đồng xét xử, Thẩm phán Chủ tọa phải đóng vai trò là người điều khiển, không can thiệp vào nội dung tranh tụng nhưng phải đánh giá, nhận định và xem xét để quyết định chính xác và đúng đắn. Theo tác giả, quá trình tranh tụng chỉ có ý nghĩa đầy đủ nhất khi có đầy đủ và đồng thời các chủ thể của quan hệ tranh tụng trong tố tụng hình sự và được thể hiện bằng phán quyết cuối cùng của Tòa án.

Thứ hai, để việc tranh tụng đạt kết quả cao thì các bên buộc tội và gỡ tội phải có trình độ năng lực cũng như đạo đức nghề nghiệp, có sự chuẩn bị kỹ càng. Trong quá trình tranh tụng dân chủ tại phiên tòa, trình độ năng lực của những người tham gia tranh tụng có ảnh hưởng rất lớn, nếu trình độ năng lực chênh lệch giữa bên buộc tội và bên gỡ tội thì hiển nhiên tranh tụng không mang lại hiệu quả cao. Công tố viên là bên buộc tội vì vậy không chỉ việc chuẩn bị chu đáo các tài liệu, nghiên cứu kỹ càng vụ án mà trình độ tư duy lý luận cao là đòi hỏi quan trọng. Quá trình nghiên cứu hồ sơ cũng chưa hoàn toàn đánh giá được hết tính chất mức độ vụ án và càng không thể căn cứ vào đó để có lời luận tội; chỉ có thể qua quá trình thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa mà Kiểm sát viên buộc tội một cách khách quan, thuyết phục, vì vậy đòi hỏi Kiểm sát viên phải có trình độ cũng như kinh nghiệm tham gia tranh tụng. Vai trò của Luật sư, người bào chữa trong tranh luận là hết sức quan trọng, bởi tính chất công việc của Luật sư là một bên trong quá trình tranh tụng, đồng thời Luật sư có được những quyền tố tụng cho phép để điều tra thu thập chứng cứ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo. Vì vậy, không chỉ năng lực trình độ của Luật sư, mà đạo đức nghề nghiệp của họ cũng có ảnh hưởng lớn đến việc tận lực cho công việc bào chữa, đến quá trình tranh tụng.

Nếu trong suốt quá trình trước khi mở phiên tòa xét xử cả hai bên Công tố viên và bị cáo - Luật sư bào chữa cho bị cáo không có sự chuẩn bị kỹ, không dự trù trước những tình huống có thể xảy ra trong quá trình tranh tụng thì đến khi tranh luận họ sẽ có thể bị đuối lý và tất nhiên phán quyết của Tòa án sẽ trên cơ sở của bên thuyết phục. Vì vậy, tự bản thân hai phía buộc tội và gỡ tội sẽ phải có sự chuẩn bị cho quá trình tranh tụng của mình và luật pháp cũng có những quy định để đảm bảo cho quá trình chuẩn bị thu thập chứng cứ của các bên, đảm bảo cho việc tranh tụng đạt kết quả cao nhất. Hai bên buộc tội và gỡ tội không chỉ chuẩn bị kỹ càng về lý lẽ, về

chứng cứ được thu thập trong suốt quá trình trước khi mở phiên tòa mà còn tự đánh giá xem những luận điểm nào còn yếu, dự trù những tình huống có thể xảy đến trong quá trình tranh luận để đến khi ra tranh tụng đạt được kết quả theo mong muốn.

1.3.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Tranh tụng là hoạt động TTHS do vậy, hoạt động tranh tụng phải tuân theo quy định của pháp luật TTHS, pháp luật hình sự. Để quá trình tranh tụng đạt kết quả tốt thì cần có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Hệ thống pháp luật hoàn chỉnh có vai trò rất lớn trong việc tạo ra điều kiện cho quá trình tranh tụng, ở những nước áp dụng hệ thống tố tụng tranh tụng - theo nhiều chuyên gia - là những nước có nền văn hóa pháp lý cao của toàn xã hội [5, tr. 246-251]; và thực tế cũng cho thấy, để áp dụng được tranh tụng tại phiên tòa cần có sự đồng bộ của các ngành luật riêng lẻ, đầy đủ và chặt chẽ để tạo ra cơ chế cho tranh tụng.

BLTTHS năm 2003 chưa ghi nhận đích danh nguyên tắc tranh tụng nhưng một số quy định tại Điều 19, các Điều từ 48 đến Điều 53, Điều 65, Điều 126, 127, 207, 214 … góp phần đảm bảo tranh tụng. Để đảm bảo quyền bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa, BLTTHS đã thể hiện một số quyền và nghĩa vụ pháp lý cho chủ thể thực hiện chức năng bào chữa thể hiện tại các Điều từ Điều 48 đến Điều 58 BLTTHS năm 2003.

Điều 19 BLTTHS năm 2003 quy định "Đảm bảo quyền bình đẳng trước Tòa án", nguyên tắc này đòi hỏi phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa các bên trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh tụng dân chủ trước Tòa án nhằm mục đích để xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các quy định của BLTTHS năm 2003 đã tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện chức

năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, hạn chế oan sai và bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa, bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong TTHS. Các vụ án cơ bản được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn do BLTTHS 2003 quy định, đảm bảo tranh tụng. Tuy nhiên, trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế, mở rộng dân chủ và bảo vệ quyền con người trong TTHS và nhằm thể chế hóa Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 đã quy định nguyên tắc "Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" tại Điều 26. Ghi nhận này mang tính đột phá, đảm bảo tranh tụng phù hợp với tiến trình dân chủ trong TTHS.

1.3.3. Cơ chế thực hiện tranh tụng

TTHS nước ta hiện nay theo mô hình tố tụng pha trộn, đã tiếp thu những nưu điểm của hai mô hình tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng [2, tr.40] nhưng còn thiên nhiều về thẩm vấn. Do vậy, quan điểm, tác phong, thói quen, lề lối làm việc đã được hình thành bởi những năm tháng gắn bó với nghề nghiệp nên có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện theo tinh thần tranh tụng mới, để có sự thay đổi ngay lập tức về ý thức tranh tụng trong mỗi người là điều không thể.

Quá trình TTHS nước ta được chia thành các giai đoạn độc lập, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Trong đó, giai đoạn xét xử được coi là trọng tâm, quan trọng nhất và được tiến hành trên cơ sở các giai đoạn tố tụng trước đó. Chứng cứ trong hồ sơ vụ án chiếm vị trí đặc biệt quan trọng. Hoạt động tố tụng tại phiên tòa chủ yếu tập trung vào kiểm tra, đánh giá chứng cứ mà Cơ quan điều tra, VKS đã thu thập trước đó. Ưu điểm của quá trình tố tụng ở nước ta là Cơ quan điều tra, VKS, Tòa án luôn phối hợp chặt chẽ nhau để giải quyết vụ án được nhanh chóng. Nhưng hạn chế ở chỗ, nếu quá trình điều tra

của Cơ quan điều tra sai lầm thì có thể kéo theo việc truy tố, xét xử của Tòa án mắc sai lầm. Mặc khác, do đề cao vai trò của cơ quan tiến hành tố tụng nên hoạt động tố tụng của cơ quan này thường mang tính áp đặt, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng dễ bị lu mờ, không coi trọng, tình trạng oan sai thường diễn ra, tranh tụng tại phiên tòa không được đảm bảo.

Để tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện và thực hiện có hiệu quả thì bên buộc tội và bên bào chữa phải thực sự bình đẳng với nhau và Tòa án phải độc lập, khách quan, vô tư, không thiên vị đảm bảo cho hai bên có các điều kiện như nhau để thực hiện chức năng của mình. Tranh tụng tại phiên tòa đòi hỏi pháp luật TTHS phải đảm bảo cho các bên đầy đủ các phương tiện cần thiết để có thể thực hiện được chức năng của mình. Phương tiện của các bên phải tương xứng với nhau và phải phù hợp với chức năng của mình. Nếu bên buộc tội và bên bào chữa không thực sự bình đẳng và Tòa án không độc lập, vô tư và không thực hiện đúng chức năng xét xử thì sẽ không có tranh tụng hoặc tranh tụng nửa vời.

Tranh tụng tại phiên tòa phải đảm bảo tính dân chủ, công khai nhưng vẫn thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đây là yêu cầu xuyên suốt quá trình tranh tụng, nếu thiếu yêu cầu này thì quá trình tranh tụng không thể đưa đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Chỉ đạt được yêu cầu về dân chủ thì mới đảm bảo sự ngang bằng giữa các bên tham gia đấu tụng, trong đó quyền công tố của Nhà nước được đặt ngang với quyền bào chữa của bị cáo - Luật sư, họ có toàn quyền tranh luận về mọi vấn đề trong vụ án để làm sáng tỏ những tình tiết còn chưa rõ, qua đó Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa sẽ xác định được sự thật khách quan của vụ án. Việc tranh tụng đó phải diễn ra công khai để thể hiện tính minh bạch của pháp luật, của quá trình xét xử vụ án. Chỉ có những trường hợp pháp luật quy định phải xử kín để đảm bảo bí mật Nhà nước đảm bảo quyền của công dân, còn mọi trường

hợp khác đều phải xử công khai. Tranh tụng tại phiên tòa phải đạt yêu cầu công khai dân chủ, nhưng vẫn phải theo quy định của pháp luật. Đó chính là thể hiện sự nghiêm minh cần thiết của pháp luật, nếu thiếu đi sự nghiêm minh đó thì tranh luận giữa phiên tòa là sự tranh luận vô tổ chức mạnh ai người ấy nói, phiên tòa trở thành cuộc cãi nhau giữa các bên.

Mục đích của tranh tụng tại phiên tòa là làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án thông qua sự cọ xát giữa các lập luận, ý kiến. Vì vậy, yêu cầu của nó là hai bên tranh luận đi vào từng chi tiết của vụ án, sự đối đáp giữa hai bên phải diễn ra liên tục, Công tố viên, bị cáo, Luật sư, bị hại và tất cả những người tham gia tố tụng khác phải tranh luận từng vấn đề rõ ràng, mạch lạc, dứt khoát, không tranh luận chung chung, dàn trải, lạc đề. Công tố viên là bên buộc tội, Luật sư là bên gỡ tội vì vậy họ phải có sự chủ động trong tranh luận tại phiên tòa, cần hỏi những người tham gia tố tụng nhiều hơn bất cứ ai để làm rõ mọi tình tiết của vụ án, đặc biệt là các vấn đề, tình tiết mà bị cáo, người làm chứng đưa ra tại phiên tòa có mâu thuẫn với những kết quả điều tra trước đó của Viện công tố để trên cơ sở đó có lời luận tội, lời bào chữa khách quan, chính xác. Trong tranh luận tại phiên tòa không thể có trường hợp Công tố viên chỉ phát biểu quan điểm là giữ nguyên quan điểm như đã truy tố mà không đưa ra lý lẽ, dẫn chứng nào khác có sức thuyết phục để bảo vệ quan điểm đó. Do vậy, đây cũng là vấn đề mà trên thực tế đòi hỏi Chủ tọa các phiên tòa phải định hướng để các bên tham gia tranh luận chất vấn và trả lời chất vấn những nội dung chính của vụ án, có như vậy tranh tụng mới đạt hiệu quả.

1.4. Tranh tụng của các mô hình tố tụng trên thế giới

Cũng như pháp luật, hệ thống tư pháp hình sự ở mỗi nước được tổ chức rất khác nhau tuỳ thuộc vào truyền thống lịch sử, văn hoá và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, căn cứ vào các dấu hiệu

chung nhất có thể phân thủ tục xét xử các vụ án hình sự ở các nước trên thế giới thành hai hệ tố tụng cơ bản: Tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn (xét hỏi). Cả hai hệ tố tụng này đều có mục đích cơ bản là tìm ra sự thật và hoạt động theo nguyên tắc "kẻ có tội phải bị trừng phạt, người vô tội phải được tự do". Điểm khác biệt giữa chúng là ở sự giả định về cách thức tốt nhất để tìm ra sự thật.

1.4.1. Tố tụng tranh tụng

Tố tụng tranh tụng (hình thành từ kiểu "xét xử bằng phép thử tội qua cuộc đấu") được sử dụng đầu tiên ở nhà nước Hy Lạp cổ đại, sau đó được áp dụng ở La Mã và phổ biến sang một số nước Châu âu trong thời kỳ trung cổ (Thế kỷ 10 - 13). Ngày nay, mô hình tố tụng tranh tụng được áp dụng ở nhiều nước nhưng chủ yếu ở các nước thuộc hệ thống luật án lệ (như Mỹ, Anh, Úc, Singapo,...) với mức độ và phạm vi khác nhau tuỳ thuộc vào quan niệm và truyền thống của mỗi nước. Tuy nhiên, có thể rút ra một số đặc điểm chung của mô hình tố tụng này, cụ thể sau đây:

Tố tụng tranh tụng cho rằng, sự thật sẽ được mở ra thông qua sự tranh luận (cuộc tranh đấu) tự do và cởi mở giữa hai bên (một bên là Nhà nước và bên kia là người bị buộc tội) có các dữ kiện chính xác về vụ việc. Tố tụng tranh tụng đề cao luật hình thức (thủ tục tố tụng) hơn luật nội dung (hay nói cách khác là trọng chứng hơn trọng cung). Thủ tục tố tụng tại phiên toà được thực hiện công khai, bằng miệng và tuân thủ triệt để nguyên tắc tranh tụng. Mọi chứng cứ viết (như biên bản của cảnh sát tư pháp) đều không được công nhận là chứng cứ. Bên buộc tội và bên bào chữa tham gia phiên tòa với tư cách là hai đối thủ có trách nhiệm chứng minh về sự có tội hay vô tội của bị cáo. Mỗi bên đều bình đẳng với nhau trong việc sử dụng pháp luật (đặc biệt là các quy tắc tố tụng và các quyền năng tố tụng) để có thể đạt được ưu thế của mình trước bên đối phương.

Tố tụng tranh tụng không có giai đoạn điều tra, mọi chứng cứ hoàn toàn do các bên tự thu thập và chỉ được đưa ra tranh luận tại phiên xét xử. Bên buộc tội và bên bào chữa sử dụng quyền kiểm tra chéo đối với người làm chứng để xác định tính trung thực hay sự thiên vị trong các lời khai của họ (chỉ ra cái mà người làm chứng biết thực chứ không phải cái mà họ nghĩ rằng họ biết). Vì vậy, ngay cả các sự việc diễn ra tại phiên tòa cũng có thể được các bên dùng làm chứng cứ chống lại nhau. Mỗi bên có quyền đặt câu hỏi trực tiếp cho bên kia cũng như những người làm chứng, giám định viên,... thậm chí có quyền ngắt lời bên kia để phản bác.

Tố tụng tranh tụng quan tâm đặc biệt đến lợi ích của các bên và đặt lợi ích của xã hội xuống hàng thứ yếu; quyền lực được chia xẻ cho cả công tố viên, luật sư và Thẩm phán. Trách nhiệm chứng minh được phân đều cho hai bên buộc tội và bào chữa. Tại phiên toà, Công tố viên đại diện cho Nhà nước chỉ đóng vai trò của một chủ thể thuộc bên buộc tội để thực hiện chức năng buộc tội đối với bị cáo (chứng minh tội phạm của bị cáo và những thiệt hại mà tội phạm đã gây ra cho xã hội). Luật sư bào chữa tranh luận về sự vô tội hay giảm nhẹ tội để bảo vệ thân chủ của mình về mặt pháp lý. Toà án (Thẩm phán) chỉ đóng vai trò là người trọng tài có trách nhiệm bảo đảm để các bên tuân thủ các quy tắc tố tụng. Trên cơ sở các chứng cứ đã được các bên đưa ra xem xét, kiểm tra tại phiên tòa, Thẩm phán đưa ra phán quyết về vụ án (mà không có trách nhiệm tìm ra sự thật, không có quyền được biết về các chứng cứ của vụ án trước khi mở phiên tòa).

Tại phiên toà, các bên có thể sử dụng tất cả các phương tiện, phương pháp mà pháp luật cho phép để tranh tụng với nhau. Việc lựa chọn phương pháp, phương tiện cụ thể nào phụ thuộc vào nhiều yếu tố (thời điểm tranh tụng, từng vụ án cụ thể, sở trường, trình độ, kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tiễn,... của mỗi chủ thể). Phương tiện tranh tụng mà các bên sử dụng

trước hết là các chứng cứ, vật chứng được đưa ra xem xét tại phiên toà, các quy phạm pháp luật (hình sự, TTHS, dân sự, lao động,...), các giải thích pháp luật, án lệ, phân tích, lập luận và phản bác quan điểm, kết luận của bên đối phương, đồng thời đề nghị Toà án chấp nhận quan điểm của mình về hướng giải quyết các vấn đề trong vụ án.

1.4.2. Tố tụng thẩm vấn

Thuật ngữ "tố tụng thẩm vấn" xuất phát từ tiếng Pháp "inquisitios" và được sử dụng để chỉ việc thẩm tra, thẩm vấn của các Tòa án thiên chúa giáo từ Thế kỷ thứ 13. Sau này mô hình tố tụng thẩm vấn được áp dụng phổ biến ở các nước thuộc hệ thống luật lục địa. Tố tụng thẩm vấn có một số đặc trưng cơ bản sau:

Mô hình tố tụng này coi trọng luật nội dung hơn luật hình thức (thủ tục tố tụng); coi trọng các chứng cứ viết (trọng cung hơn trọng chứng

Điểm khác biệt rất lớn so với tố tụng tranh tụng).

Đề cao vai trò tích cực, chủ động của Toà án: Thẩm phán vừa là người đưa ra quyết định điều tra vụ án; vừa là người có trách nhiệm tìm ra sự thật, là người chỉ đạo toàn bộ quá trình tố tụng, kể cả giai đoạn điều tra.

Viện công tố có nhiều quyền hạn hơn so với trong tố tụng tranh tụng. Viện công tố có quyền chỉ đạo công tác điều tra, quyết định khởi tố. Đối với các vụ án phức tạp thì sau giai đoạn điều tra sơ bộ còn có giai đoạn thẩm cứu do một Thẩm phán điều tra đảm nhiệm. Đây là một Thẩm phán độc lập, không tham gia vào giai đoạn điều tra ban đầu và có nhiệm vụ xác định sự thật. Theo quy định của pháp luật TTHS, nhiệm vụ của Thẩm phán điều tra là làm cho sự thật được thể hiện rõ. Như vậy, các chứng cứ về vụ án (cả buộc tội và gỡ tội) đều do một Thẩm phán điều tra độc lập và khách quan thu thập.

1.4.3.Tố tụng pha trộn (bán tranh tụng)

Ngoài hai hệ tố tụng cơ bản nêu trên, trong xu hướng hội nhập quốc tế, việc tham khảo kinh nghiệm lập pháp của các nước khác để hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống tư pháp của mình nói riêng luôn được các quốc gia quan tâm. Ngày nay nhiều nước thuộc hệ thống pháp luật lục địa với hệ tố tụng thẩm vấn truyền thống đã tiếp thu và kết hợp một số yếu tố hợp lý của tố tụng tranh tụng vào hệ thống tố tụng của mình tạo thành hệ tố tụng pha trộn- tố tung bán tranh tụng Ví dụ: Tại Cộng hoà Pháp ngày 15/6/2000 đã ban hành "Luật về suy đoán vô tội và tăng quyền của nạn nhân" đã bổ sung một số nội dung của tố tụng tranh tụng nhằm tăng cường vai trò, quyền hạn của các bên tại phiên toà và đảm bảo tốt hơn nguyên tắc tranh tụng[1], cụ thể:

Luật sư có quyền tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng, tức là ngay khi bị can bị bắt giữ, bị tạm giam. Bị can có quyền giữ im lặng cho đến khi có mặt luật sư.

Trong giai đoạn điều tra, các bên có quyền yêu cầu Thẩm phán điều tra thực hiện một số hoạt động mà họ thấy cần thiết. Thẩm phán điều tra không còn quyền cho tạm giam bị can, tức là không còn chức năng tài phán này như trước đây. Một loại Thẩm phán mới (phụ trách việc tạm giam và trả tự do bị can) đã được lập ra để thực hiện chức năng tài phán này.

Trong quá trình xét xử vụ án tại phiên toà, Công tố viên và các luật sư có quyền trực tiếp đặt câu hỏi cho các bên đương sự mà không cần xin phép chủ tọa.

Các bên có quyền đề nghị triệu tập ra toà một số lượng người làm chứng không hạn chế.

Trình tự phát biểu tại phiên toà được thay đổi: Viện công tố được quyền phát biểu trước rồi đến luật sư của bên nguyên, tiếp theo là đến luật sư bào chữa, bị cáo.

Nhờ sự bổ sung này, hệ tố tụng thẩm vấn truyền thống của Pháp đã chuyển sang hệ tố tụng bán tranh tụng.

Từ khái quát về các mô hình tố tụng cơ bản trên thế giới, có thể rút ra nhận xét mỗi hệ tố tụng (tranh tụng và thẩm vấn) đều có những nhược điểm nhất định. Trong tố tụng tranh tụng vai trò tích cực của Thẩm phán bị hạn chế, nên sẽ tạo ra sự bất bình đẳng giữa hai bên buộc tội và bào chữa (bên nào có nhiều tiền để thuê luật sư thì có nhiều khả năng hơn để giành thắng lợi). Trong tố tụng thẩm vấn, nhược điểm này được khắc phục bởi việc điều tra vụ án do một Thẩm phán độc lập và khách quan thực hiện. Vì vậy, có ý kiến cho rằng tố tụng thẩm vấn cho phép tìm ra sự thật, còn tố tụng tranh tụng chỉ cho phép tim ra một phần sự thật mà thôi. Thủ tục tố tụng tranh tụng rất phức tạp vì các vấn đề cần giải quyết trong vụ án lẽ ra được thực hiện trong cả quá trình điều tra, nay chỉ được trình bày trong phiên toà xét xử. Vì vậy, khi phiên tòa diễn ra thi cũng chưa có vấn đề gì có thể thực sự được khẳng định. Tố tụng thẩm vấn bị chỉ trích là không tôn trọng đầy đủ quyền của các bên, đặc biệt là bên bào chữa, vì họ không có nghĩa vụ chứng minh. Mặt khác, do các chứng cứ chủ yếu được thu thập trong giai đoạn điều tra nên người ta cho rằng tố tụng thẩm vấn đi ngược lại nguyên tắc vô tư, khách quan vì Thẩm phán dễ có định kiến trước khi diễn ra phiên toà. Vì vậy, xét ở góc độ này, việc tranh luận tại phiên tòa có thể sẽ trở thành vô nghĩa. Ngoài ra, vì có thêm giai đoạn điều tra nên tố tụng thẩm vấn thường kéo dài, mất nhiều thời gian.

Kết luận chương 1

Tranh tụng là hoạt động TTHS được thực hiện chủ yếu giữa bên buộc tội, bên gỡ tội trong tất cả các giai đoạn tố tụng, nhưng tranh tụng tại phiên tòa là quan trọng nhất vì được tiến hành công khai giữa các bên tham gia tố tụng trước người điều khiển phiên tranh tụng là HĐXX. Nội dung tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện cả trong phần thủ tục, phần xét hỏi và tranh luận.

Việc nghiên cứu khái niệm tranh tụng và tranh tụng tại phiên tòa đã rút ra được những đặc điểm, yêu cầu, điều kiện của tranh tụng tại phiên tòa. Điều này có ý nghĩa quan trọng khi thực trạng tư pháp nước ta còn có những yếu kém nhất định, cần tiếp thu những yếu tố tích cực của tố tụng tranh tụng. Trong quá trình tố tụng, phiên tòa là giai đoạn trung tâm, chỉ có đến giai đoạn này thì mới có sự tập hợp đầy đủ và đồng thời của các bên, chỉ có thể thông qua quá trình tranh luận công khai, minh bạch tại phiên tòa thì mọi tình tiết của vụ án mới được làm sáng tỏ thông qua sự cọ xát về luận điểm của mỗi bên. Cũng qua đó mà những chứng cứ đã được các bên thu thập theo quy định của pháp luật được công khai kiểm chứng. Nếu tranh tụng tại phiên tòa được các bên tham gia nghiêm túc thực hiện thì hiệu quả giải quyết vụ án sẽ rất cao, khắc phục được việc xét xử oan, sai, bỏ lọt tội phạm, tình trạng yếu kém của hệ thống tư pháp. Như vậy tranh tụng tại phiên tòa có giá trị rất lớn trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Cũng chính vì lẽ đó, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới", trong đó nhiệm vụ nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án là khâu trung tâm, đột phá, thông qua việc nâng cao tính dân chủ khách quan trong tranh tụng tại phiên tòa. Đi đôi với nhiệm vụ đó thì việc nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và các cơ quan bổ trợ tư pháp cũng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để sao cho *"...nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... khi xét xử các Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ*

sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp...". Tuy nhiên, để nghị quyết đi được vào thực tế áp dụng pháp luật thì cần có một cơ chế đồng bộ cả về phương diện hoàn thiện pháp luật, ý thức của những người người tiến hành và tham gia tố tụng, trình độ năng lực của những bên tham gia vào quá trình tranh tụng...

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.1. Quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng tại phiên tòa trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988

Kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 2/9/1945, nhiều văn bản pháp luật có hàm chứa quy phạm tố tụng hình sự đã được Nhà nước ban hành, nhưng phải đến những năm 1960 thì những quy định về pháp luật tố tụng hình sự mới được hình thành một cách cơ bản, trong đó có hàm chứa những quy định về xét xử tại phiên tòa. Luật tổ chức Tòa án nhân dân (ngày 14/7/1960), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 15/7/1960 và Pháp lệnh ngày 16/7/1962 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát nhân dân ra đời đã quy định về việc tổ chức phiên tòa và tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Tòa án nhân dân.

Đến năm 1964, Tòa án nhân dân tối cao đã hệ thống lại các quy định của pháp luật tố tụng lúc bấy giờ thành Bản đề án về trình tự xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trong đó có quy định tương đối cụ thể về hình thức và thủ tục tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Tòa án nhân dân, để gửi về các Tòa án nhân dân địa phương thống nhất áp dụng.

Ngày 27/9/1974 Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành bản hướng dẫn về trình tự tố tụng sơ thẩm (kèm theo Thông tư số 16-TATC), trong đó có quy định về trình tự tố tụng chuẩn bị cho việc xét xử tại phiên tòa và quy định về trình tự tố tụng xét xử tại phiên tòa của Tòa án nhân dân. Thông tư 16-TATC đã có bước phát triển cao hơn về tri thức hoàn thiện pháp luật tố tụng so với giai đoạn trước đó, có những quy định thể hiện nội dung tranh tụng trong quá

trình xét xử. Tuy nhiên, khái niệm tranh tụng trong khoa học pháp lý không có, những quy định mang tính chất tranh tụng rất ít.

2.1.2. Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 với những quy định về tranh tụng tại phiên tòa

Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 1988 chưa ghi nhận tranh tụng tại phiên tòa là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự nhưng những dấu hiệu về tranh tụng cũng đã được quy định rải rác ở một số điều luật ở chương XVII quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa, một số điều tại chương XVIII thủ tục bắt đầu phiên tòa, chương XX thủ tục xét hỏi tại phiên tòa, chương XXI tranh luận tại phiên tòa.

Tại Điều 159 quy định về việc xét xử phải trực tiếp, bằng lời nói và liên tục, đây thực chất cũng là một trong những nội dung của tranh tụng. Tòa án chỉ xử vắng mặt bị cáo nếu bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả, bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa, sự vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử và họ đã được giao giấy triệu tập hợp lệ (Điều 162). Tại phiên tòa bên buộc tội là Kiểm sát viên bắt buộc phải có mặt nếu không phải hoãn phiên tòa theo điều 164 Bộ luật tố tụng hình sự.

Kiểm sát viên (bên buộc tội) sẽ luận tội, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo (bên gỡ tội) cũng trình bày quan điểm của mình, trong quá trình tranh luận đó người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác nhưng chỉ được phát biểu một lần đối với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án. Kết quả của quá trình tranh tụng tại phiên tòa được xác định bởi phán quyết của Hội đồng xét xử.

Như vậy, mặc dù chưa đầy đủ nhưng Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã có một số quy định mà bản chất của nó là tranh tụng. Tuy nhiên, những quy định này vẫn quá sơ sài vẫn chưa thể tạo ra cơ chế tranh luận dân chủ và

khách quan tại phiên tòa, chưa tạo ra sự bình đẳng giữa Luật sư và Viện kiểm sát với tư cách là hai bên của quá trình tranh tụng, v.v...

2.1.3. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 26/11/2003, đã có những quy định mới, theo đó tạo điều kiện hơn cho việc tranh tụng giữa các bên. Nhiều điều luật đã thể hiện nội dung tranh tụng như: Điều 50 đã ghi nhận bị cáo có quyền trình bày ý kiến và tranh luận tại phiên tòa. Điều 58 quy định: trường hợp bắt người theo Điều 81 và 82 thì người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Luật sư có quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác (đây là những tiền đề để người bào chữa có thể thu thập chứng cứ, chuẩn bị cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa). Điều 209 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 cũng đã quy định về xét hỏi đối với bị cáo theo hướng cụ thể hơn với các bên tranh tụng: Kiểm sát viên hỏi về những tình tiết buộc tội, người bào chữa hỏi về tình tiết gỡ tội...

Đặc biệt tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 khi quy định về tranh luận và đối đáp tại phiên tòa đã có những quy định mới đảm bảo cho việc luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa được khách quan - Điều 217: "Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa". Và để đảm bảo cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa được khách quan, sau khi nghe lời luận tội bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền: "Trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình, Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến" -

Điều 218 Bộ luật tố tụng hình sự. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến.

Như vậy, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã có những tiến bộ hơn so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 trong việc tạo điều kiện để các bên tranh luận tại phiên tòa. Tuy nhiên, những quy định đó trong Bộ luật tố tụng hình sự 2003 vẫn còn chưa cụ thể và chưa tạo ra cơ chế hoàn toàn đầy đủ cho quá trình tranh tụng của các bên: trách nhiệm chứng minh tội phạm vẫn đặt nặng lên vai Hội đồng xét xử; Kiểm sát viên và Luật sư vẫn chưa có vị thế bình đẳng với nhau, những quy định chưa tạo ra được sự trung lập trọng tài của Hội đồng xét xử.

2.1.4. Những văn bản khác

Sau khi có Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị, Ban chỉ đạo cải cách tư pháp đã có văn bản gửi kèm Công văn số 13-CV/BCĐCCTP ngày 4/11/2002, trong đó đưa ra một số gợi ý về việc tổ chức phiên tòa hình sự theo tinh thần Nghị quyết số 08. Trong đó nêu rõ mục đích tổ chức phiên tòa hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08 phải đảm bảo sự tôn nghiêm, dân chủ và văn minh của pháp luật, bảo đảm phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, của người bào chữa, bị cáo, người làm chứng, người bị hại, người giám định, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc những người đại diện hợp pháp của họ.

Yêu cầu của việc tổ chức phiên tòa: Đảm bảo tính uy nghiêm, tính công bằng, dân chủ và nghiêm minh của pháp luật trên cơ sở thực hiện nghiêm túc

các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, chú ý đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý của họ.

Ban chỉ đạo cải cách tư pháp đã đưa ra những gợi ý có tính chất định hướng đối với những người tham gia vào quá trình tranh tụng cũng như những người tham dự phiên tòa khác. Theo đó Chủ tọa - người điều khiển việc tranh tụng tại phiên tòa, phải đặt ra câu hỏi, xác định những vấn đề để các bên tranh luận với nhau, hướng cho việc tranh luận đi vào đúng vấn đề. Các bên tranh luận có quyền yêu cầu bên kia giải thích những vấn đề chưa rõ, Chủ tọa phiên tòa phải là người quyết định bên bị yêu cầu có phải trả lời yêu cầu đó hay không. Đối với đại diện Viện kiểm sát phải bảo vệ cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo tại phiên tòa, chứng minh mọi luận điểm trong cáo trạng bằng việc chủ động xét hỏi, thẩm vấn cùng Hội đồng xét xử và chú ý đưa ra những chứng cứ để chứng minh tội phạm. Đối với người bào chữa: được tự do tranh luận. Nếu được Chủ tọa phiên tòa đồng ý, người bào chữa có thể đặt câu hỏi, phản đối câu hỏi với những người tham gia tố tụng và những người được hỏi có trách nhiệm trả lời trực tiếp. Khi được sự ủy quyền của người mình bào chữa, Luật sư có quyền trả lời mọi câu hỏi chất vấn của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại tòa.

Những vấn đề diễn ra trong phiên tòa mới là quan trọng và Kiểm sát viên không nhất thiết phải bảo vệ quan điểm luận tội trong cáo trạng. Chỉ khi gặp trường hợp phức tạp và tình tiết mới đặc biệt thì đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố mới nên xin hoãn phiên tòa để xin ý kiến chỉ đạo. Hoặc khi có thay đổi đột xuất, Kiểm sát viên có quyền quyết định thay đổi quan điểm luận tội ngay tại phiên tòa rồi mới báo cáo sau, Kiểm sát viên là người chịu trách nhiệm về kết luận vụ án đó chứ không phải là người ký cáo trạng.

Như vậy, những hướng dẫn của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp ngoài những gợi ý mang tính chất định hướng chung chung, đã có nhiều điểm cụ thể

hóa nội dung tranh tụng tại phiên tòa, qua đó đưa ra những yêu cầu cụ thể với những hành vi tố tụng cho quá trình tranh tụng, tạo ra được cơ chế khá hoàn chỉnh cho việc tranh tụng tại phiên tòa, nhưng văn bản này chỉ mang tính chất gợi ý mà không phải có giá trị bắt buộc như một văn bản luật, và nó cũng đã không được cụ thể hóa tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Triển khai việc thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp, ngày 5/11/2002 Tòa án nhân dân tối cao đã có kết luận về cuộc hội thảo "Tranh tụng tại phiên tòa hình sự". Theo đó, để phục vụ cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa hình sự cần phải làm tốt ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử, cụ thể là phải nghiên cứu hồ sơ, dự kiến tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa, trao đổi với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về kế hoạch xét hỏi (đề cương thẩm vấn), bàn các biện pháp triệu tập đầy đủ những người tham gia tố tụng, nhất là những người nếu không có mặt tại phiên tòa sẽ ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Đồng thời, trong kết luận cũng nêu rõ, để đảm bảo khách quan khi xét hỏi Chủ tọa phiên tòa chỉ nên hỏi có tính chất nêu vấn đề, còn lại những câu hỏi có tính chất buộc tội hoặc gỡ tội dành cho Kiểm sát viên và người bào chữa. Mặc dù quy định tại Điều 11 Bộ luật tố tụng hình sự là trách nhiệm chứng minh thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng trong đó có Tòa án nhưng tại phiên tòa nhiệm vụ chứng minh tội phạm vẫn chủ yếu thuộc về Kiểm sát viên, vì vậy Hội đồng xét xử không được có những lời lẽ khẳng định hay phủ định bất cứ một vấn đề nào mà Kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nêu ra, cũng không được đánh giá, nhận xét đúng sai ngay tại phiên tòa. Nếu cần giải thích cho người tham gia tố tụng thì chỉ giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuyệt đối không được giải thích những quy định của Bộ luật hình sự. Để phần tranh luận diễn ra được dân chủ, khách quan, Hội đồng xét xử phải chú ý lắng nghe những ý kiến của Kiểm sát

viên, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác tránh định kiến sẵn, đặc biệt phải chú ý lắng nghe ý kiến của Luật sư, của bị cáo về những ý kiến khác với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Kết luận số 290 ngày 5/11/2002 của Tòa án nhân dân tối cao đã có nhiều điểm quy định chi tiết, cụ thể về việc tranh tụng tại phiên tòa, tạo ra tiền đề khá đầy đủ cho tranh tụng, nhưng kết luận này cũng chỉ mang tính chất hướng dẫn đối với các Tòa án chứ chưa phải là có tính bắt buộc về mặt pháp lý đối với những người tham gia vào quá trình tố tụng.

2.1.5. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Quan điểm, chủ trương của Đảng về hoạt động tranh tụng đã được thể chế hóa ở Hiến pháp 2013. Tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp quy định *"Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo"*. Như vậy, lần đầu tiên, việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử được ghi nhận thành một nguyên tắc, thể hiện bước tiến lớn trong hoạt động xây dựng pháp luật và phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta.

BLTTHS năm 2015, đã cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 với nguyên tắc "Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" tại Điều 26. Quy định này đã đặt cơ sở pháp lý quan trọng cho việc chuyển hướng tích cực của tố tụng hình sự nước ta, có tính đột phá theo tinh thần cải cách tư pháp. [2, tr.81]

BLTTHS năm 2015 đưa vấn đề tranh tụng trong xét xử thành một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng, giữ vai trò chi phối và định hướng cho toàn bộ hoạt động và hành vi tố tụng của tất cả các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết các vụ án hình sự, phù hợp với chức năng tố tụng của các chủ thể.

"Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội,

người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận làm rõ tại phiên tòa.

Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”

Những quy định nêu trên đã hàm chứa những yếu tố cần và đủ của nguyên tắc tranh tụng và nội dung tranh tụng của tố tụng hình sự nước ta. Nguyên tắc này thể hiện sự bình đẳng giữa các chủ thể khi tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tranh tụng cần đến sự phân vai rõ ràng giữa các chủ thể và nhờ đó, các chủ thể hình thanh bên buộc tội và bên bào chữa với lợi ích tố tụng độc lập và khác nhau, đối lập nhau. Tố tụng tranh tụng được coi là địa hạt hành động của cả hai phía: phía Nhà nước mà đại diện là các cơ quan có chức năng buộc tội; phía bị can, bị cáo cùng với người bào chữa hoặc do người bào chữa đại diện. Từ đó các bên sẽ nỗ lực hết mình để

bảo vệ lợi ích, bảo vệ quan điểm, trình bày chứng cứ, chủ động chứng minh về các tình tiết của vụ án theo châm ngôn "chân lý chỉ tìm thấy trong tranh luận".

Điều 26 của BLTTHS năm 2015 cũng đã xác định vị trí trung tâm, vai trò điều hành phiên tòa xét xử của Tòa án. Tranh tụng chỉ tồn tại và được thực hiện khi có sự thừa nhận và khẳng định vai trò xét xử vô tư, khách quan của Tòa án. Bộ luật xác định trách nhiệm của Tòa án tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

2.2. Thực tiễn tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Định giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015

2.2.1. Những kết quả đạt được trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

2.2.1.1. Nhận thức chủ trương về tranh tụng tại phiên tòa

Hoạt động tranh tụng có vai trò hết sức quan trọng, là cơ sở đánh giá kết quả các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Đây là cơ chế tối ưu để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo, để đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian gian tới đã xác định: *"Nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng dân chủ với luật sự, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác";* Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp cũng ghi rõ: *"Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp";* Kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010 v.v… đã xác định tầm quan trọng của tranh tụng trong xét xử, coi nội dung

này là một trong những nội dung trọng tâm của cải cách tư pháp, là khâu đột phá của cải cách tư pháp. Tư tưởng chỉ đạo về tranh tụng trong các Nghị quyết của Đảng nêu trên nhằm bảo đảm cho phán quyết của Tòa án được khách quan, chính xác đúng sự thật của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không để xảy ra các trường hợp oan sai.

Từ khi có Nghị quyết 08 và 49 của Bộ Chính trị, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể được nêu trong Nghị quyết, Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp đổi mới nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, trong đó có nội dung nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự, bảo đảm sự tôn nghiêm dân chủ của pháp luật, sự phán quyết của Tòa án được khách quan, chính xác, đúng sự thật của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không để xảy ra trường hợp oan sai, góp phần nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án, chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự. Tuy nhiên, trong thời gian qua, chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự còn có những hạn chế cần khắc phục. Trong phạm vi chuyên đề này, chủ yếu đánh giá thực trạng và đưa ra một số giải pháp mà qua thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại các phiên tòa sơ thẩm đã được đúc kết thành những kinh nghiệm trong hoạt động xét xử của Kiểm sát viên nhằm nâng cao kỹ năng tranh tụng cho đội ngũ kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại các phiên tòa hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

2.2.1.2. Những kết quả đạt được trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa

Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" về việc "Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng trang tụng tại tất cả các phiên

tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp". Trong những năm qua, Viện KSND tỉnh Bình Định đã chú trọng đến công tác nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại các phiên tòa.

Từ năm 2011 đến nay, trong Kế hoạch công tác kiểm sát hàng năm của VKSND tỉnh Bình Định đều xác định nhiệm vụ trọng tâm trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự (THQCT và KSXXHS) là *"Nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa"*, năm 2015 Ngành KSND Bình Định đã lựa chọn khâu công tác đột phá là *"Nâng cao kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự"* đồng thời đưa ra nhiều giải pháp cụ thể để thực hiện. Chính vì vậy, chất lượng công tác THQCT và KSXXHS, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa của KSV ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Từ năm 2011 đến năm 2015, cả tỉnh Bình Định thụ lý 5.976 vụ/11.536 bị cáo. Trong đó, đã xét xử sơ thẩm 4.361 vụ/ 8.712 bị cáo. Không có trường hợp nào Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên không phạm tội và chỉ có 25 vụ / 34 bị cáo bị cấp phúc thẩm hủy án để điều tra, xét xử lại (chiếm tỷ lệ 1,54% trên tổng số vụ đã xét xử phúc thẩm là 1.615 vụ). Số vụ Luật sư tham gia bào chữa 139 vụ/ 288 bị cáo. Luật sư tham gia bào chữa chiếm khoảng 3,18% số vụ đã xét xử.

Phân tích số liệu cho thấy, số vụ án có Luật sư tham gia không đáng kể, chính lý do này ảnh hưởng không nhỏ đến tranh tụng. Nói cách khác, chưa đảm bảo tranh tụng trong xét xử. Do vậy, để mở rộng tranh tụng, pháp luật TTHS cần phải mở rộng những trường hợp bắt buộc có Luật sư tham gia tố tụng chứ không chỉ giới hạn trong vụ án có bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, người bị truy tố có khung hình phạt chung thân, tử hình như BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 hoặc những người thuộc trường hợp trợ giúp pháp lý miễn phí. Để bảo

đảm tranh tụng BLTTHS năm 2015 đã mở rộng thêm trường hợp chỉ định người bào chữa (Điều 76) phù hợp với chủ trương mở rộng tranh tụng, đảm bảo tranh tụng.

Bảng 2.1: *Bảng tổng hợp số liệu xét xử sơ thẩm, phúc thẩm từ 2011 - 2015*

Vụ/bị can / **Năm**	**Sơ thẩm** **(1)**	**Phúc thẩm** **(2)**	
			Tỷ lệ % (2)/(1)
2011	911/1894	326/601	35,78
2012	977/1936	368/663	37,66
2013	885/1918	340/634	38,41
2014	837/1484	302/476	36,08
2015	751/1480	279/450	37,15

Nguồn: Văn phòng tổng hợp - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định

Những năm gần đây, để từng bước nâng cao năng lực tranh tụng cũng như bản lĩnh nghề nghiệp của Kiểm sát viên trong toàn Ngành, Lãnh đạo Viện KSND tỉnh đã giao trách nhiệm cho Phòng 7 (Phòng THQCT& xét xử án phúc thẩm hình sự) tham mưu cho Lãnh đạo Viện và phối hợp với các phòng THQCT và KSXX sơ thẩm án hình sự, các Viện KSND cấp huyện phối hợp với Tòa án tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm theo yêu cầu cải cách tư pháp nhằm giúp cho cán bộ, KSV 2 cấp tham dự, rút kinh nghiệm học tập. Từ năm 2011 đến nay, hàng năm, Viện KSND tỉnh đều đặt ra chỉ tiêu: Mỗi đơn vị phải tổ chức ít nhất 4-6 phiên tòa rút kinh nghiệm có mời Lãnh đạo Viện KSND tỉnh, Kiểm sát viên các phòng nghiệp vụ thuộc Viện KSND tỉnh tham dự, sau mỗi phiên tòa đều tổ chức họp các cơ quan tiến hành tố tụng để chỉ ra những ưu điểm cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục để rút kinh

nghiệm chung. Cả tỉnh còn chia ra ba cụm để tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm và mời các Viện kiểm sát trong cụm cùng tham dự. Đáng lưu ý, trong năm 2015, Viện KSND tỉnh đã phối hợp với Tòa án tổ chức 02 phiên tòa rút kinh nghiệm về hình sự bằng hình thức truyền hình trực tuyến tới 11 điểm cầu cấp huyện tạo điều kiện cho cán bộ, KSV trong toàn Ngành theo dõi, học tập, rút kinh nghiệm. Có thể thấy sự chuyển biến rõ nét về chất lượng tranh tụng của KSV trong việc áp dụng các phiên tòa rút kinh nghiệm. Nếu như năm 2011, toàn tỉnh mới chỉ tổ chức được 11 phiên tòa rút kinh nghiệm, thì đến năm 2015 toàn tỉnh đã tổ chức được 42 phiên tòa rút kinh nghiệm, tăng 31 phiên tòa. Việc tổ chức các phiên tòa mẫu, phiên tòa rút kinh nghiệm về hình sự tạo môi trường tốt cho mỗi KSV tự học tập, nghiên cứu chuẩn bị tốt Đề cương xét hỏi, dự kiến tranh luận, dự thảo Luận tội,.... Đó là cơ sở quan trọng bảo đảm việc tranh tụng tốt tại phiên tòa. Đồng thời qua mỗi phiên tòa KSV có thể tự nghiệm lại cách thể hiện, vai trò của mình trước công đường và học hỏi nhiều phong cách hay từ đồng nghiệp để có thể tự hoàn chỉnh bản thân trong vai trò là Người công tố, góp phần đưa hình ảnh người cán bộ kiểm sát thêm gần gũi với nhân dân.

Nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa qua các phiên tòa rút kinh nghiệm, trong những năm gần đây đã tạo ra bước đột phá mạnh mẽ về chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên. Nhiều vụ án có Luật sư tham gia tố tụng, nhiều vụ án rất phức tạp nhưng với bản lĩnh nghề nghiệp, KSV của cả 2 cấp đã cơ bản làm tốt công tác THQCT và KSXXSTHS. Không có án đình chỉ điều tra do không phạm tội, không có vụ án nào Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên không phạm tội. Qua công tác xét xử đã phát hiện nhiều vi phạm và ban hành kháng nghị, kiến nghị kịp thời. Các bản Luận tội, cũng như đối đáp tranh luận của KSV không những có đủ căn cứ, sức thuyết phục

cao mà còn có tính giáo dục góp phần trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, nâng cao vị thế của Kiểm sát viên trong xã hội.

Bảng 2.2: *Bảng tổng hợp số liệu án rút kinh nghiệm từ 2011 - 2015*

Vụ / **Năm**	**Số vụ rút kinh nghiệm (1)**	**Số vụ đã xét xử sơ thẩm (2)**	
			Tỷ lệ % (1)/(2)
2011	11	911	1,2
2012	17	977	1,74
2013	24	885	2,71
2014	35	837	4,18
2015	42	751	5,59

Phân tích số liệu trên cho thấy, trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, không có trường hợp nào Viện kiểm sát truy tố Tòa tuyên không phạm tội. Đây là một trong những kết quả đáng khích lệ của đội ngũ Kiểm sát viên hai cấp trong quá trình tham gia phiên tòa, thể hiện tốt vai trò tranh tụng của mình tại phiên tòa. Đồng thời để nâng cao vai trò tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa, số lượng án rút kinh nghiệm ngày càng tăng, Viện kiểm sát hai cấp đã quan tâm đúng mức đến công tác tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Để tiếp tục khẳng định hình ảnh của người cán bộ kiểm sát trong lòng nhân dân, và thực hiện Luật Tổ chức Viện KSND năm 2014, thời gian tới, Ngành KSND Bình Định tiếp tục đưa ra các giải pháp cụ thể, nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng tranh tụng, phấn đấu mỗi Kiểm sát viên hàng năm phải thực hiện được ít nhất từ 2-3 phiên tòa rút kinh nghiệm./.

2.2.2. Những hạn chế trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

2.2.2.1. Về nhận thức

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực nhưng bên cạnh những vụ án thực hiện tốt chủ trương tranh tụng còn có trường hợp nhận thức người tiến hành tố tụng chưa đúng. Do khái niệm tranh tụng mời được sử dụng phổ biến trong thời gian gần đây nên cơ quan tiến hành tố tụng, một bộ phận người tiến hành tố tụng chưa hiểu đầy đủ bản chất của tranh tụng, vì thể chưa coi trọng việc bảo đảm tranh tụng, chưa hiểu được tính tích cực của sự phản biện, thậm chí có xu hướng xem nhẹ, coi thường chức năng bào chữa, tìm mọi cách gây khó dễ cho hoạt động bào chữa.

Chủ trương tranh tụng là chủ chương đúng đắn của Đảng, Nhà nước và pháp luật, phù hợp với thời đại, được đúc kết từ trực quan sinh động là hầu hết các quốc gia đã ghi nhận và thực hiện có hiệu quả nó trong thực tế. Nhưng khi triển khai thực hiện và kiểm nghiệm thông qua thực tiễn ở nước ta thì còn nhiều khập khiễng, bởi đôi lúc, đôi nơi cơ quan và cán bộ tố tụng chưa thực hiện nghiêm chỉnh vì những lý do khách quan và chủ quan khác nhau. Tranh tụng là xu thế của TTHS hiện đại, tranh tụng không thể thiếu yếu tố "con người" với đòi hỏi phải có tư duy tranh tụng bắt nhịp thời đại để tạo "bệ phóng" cho nó vận hành, phải hạn chế và tiến tới loại bỏ những "con người" có tư duy lỗi thời, cản trở chủ trương mở rộng tranh tụng, không đảm bảo tranh tụng được thực hiện trên thực tế.

2.2.2.2. Những hạn chế trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa

Chủ truơng mở rộng và nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà hình sự theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị là hoàn toàn đúng đắn nhằm bảo đảm việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luât. Đây là một đòi hỏi cấp bách nhằm khắc

phục những bất cập, vướng mắc và tồn tại trong thực tiễn tranh tụng tại các phiên toà hình sự ở nước ta và cũng là nhu cầu tất yếu của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế nhằm bảo vệ ngày càng có hiệu quả hơn quyền con người trong lĩnh vực đặc thù này. Theo Báo cáo sơ kết 04 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, thì bên cạnh những kết quả đạt được, ở "Nhiều địa phương việc thực hiện chủ trương mở rộng tranh tụng còn mang tính hình thức, chưa đáp ứng được yêu cầu là các bản án, phán quyết của Toà án chủ yếu phải dựa trên kết quả tranh tụng dân chủ tại phiên toà". Bình Định cũng không nằm ngoài đánh giá trên. Từ năm 2011 đến nay, trong Kế hoạch công tác kiểm sát hàng năm của VKSND tỉnh Bình Định đều xác định nhiệm vụ trọng tâm trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự (THQCT và KSXXHS) là *"Nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa"*. Tuy nhiên, thực tế những phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp (phiên tòa rút kinh nghiệm) còn diễn ra hình thức, còn chạy theo chỉ tiêu nghiệp vụ hàng năm của ngành và kế hoạch công tác của tỉnh đặt ra. Nên chất lượng và hiệu quả từ những phiên tòa này mang lại thực sự chưa đáp ứng yêu cầu của tranh tụng. Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa còn thể hiện một số điểm hạn chế cơ bản sau:

Thứ nhất, việc xác định Tòa án có vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm chưa được nghiên cứu và xác định đầy đủ, chưa có có chế đảm bảo vai trò trung tâm của Tòa án; tranh tụng tại phiên tòa được coi là khâu đột phá của cải cách tư pháp nhưng chưa được nghiên cứu xây dựng quy trình, cơ chế cụ thể; nhận thức của cán bộ tư pháp về tranh tụng chưa đầy đủ, toàn diện. Đội ngũ Thẩm phán ở cả cấp huyện và tỉnh còn chưa được chuẩn bị đầy đủ về kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu cải cách tư pháp, chưa kịp thời đổi mới tư duy và phương pháp công tác nên việc thực hiện chức năng xét xử tại phiên toà vẫn theo "nếp cũ". Mặt khác, do cơ chế làm việc, sự hạn chế về trình độ

nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán nên nguyên tắc "Khi xét xử Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" chưa có tính khả thi cao trên thực tế. Việc xét hỏi tại phiên toà chưa thực sự đổi mới theo tinh thần cải cách tư pháp của Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW mà chủ yếu vẫn do HĐXX (chủ toạ phiên toà) thực hiện nên chưa phát huy được vai trò tích cực, chủ động của Kiểm sát viên, luật sư và những người tham gia tố tụng khác trong xét hỏi và tranh luận tại phiên toà để làm sáng tỏ các tình tiết, các chứng cứ, tài liệu về vụ án. Trong nhiều phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa còn lúng túng trong xử lý tình huống, chưa chủ động điều khiển quá trình tranh luận, đối đáp của các bên, nhất là đối với các vụ án có đông bị cáo và nhiều luật sư tham gia nên mặc dù thời gian tranh luận kéo dài nhưng chất lượng luận tội và bào chữa không cao, việc tranh luận, đối đáp của các bên không đi vào trọng tâm các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Thứ hai, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của một số Kiểm sát viên còn hạn chế nên không phát hiện kịp thời các vi phạm tố tụng trong giai đoạn điều tra. Việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên toà vẫn là khâu yếu ở cấp sơ thẩm (nhất ở cấp huyện). Hiện nay, một số Kiểm sát viên vẫn có quan niệm không đúng cho rằng, việc xét hỏi tại phiên toà là trách nhiệm của HĐXX, còn Kiểm sát viên chỉ có nhiệm vụ bảo vệ cáo trạng và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, nên không tích cực tham gia xét hỏi; nội dung xét hỏi trùng lặp với nội dung đã được HĐXX xét hỏi; việc đưa ra chứng cứ, lập luận bảo vệ quan điểm truy tố trong nhiều vụ án chưa có sức thuyết phục, chất lượng luận tội và đối đáp còn hạn chế, lúng túng trước các tình huống phát sinh tại phiên tòa. Một số Kiểm sát viên còn có tâm lý ngại tranh luận với luật sư, thái độ thiếu bình tĩnh, tự tin, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa lúng túng hoặc né tránh các vấn đề, các tình tiết của vụ án

cần tranh luận làm sáng tỏ tại phiên toà. Việc tranh tụng trở thành hình thức, hiệu quả chưa cao.

Thứ ba, đội ngũ luật sư trong tỉnh thiếu về số lượng, một số còn hạn chế về trình độ nghiệp vụ, đặc biệt là kỹ năng tranh tụng nên chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí của mình là một bên trong tranh tụng, chưa bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích của công dân. Nhận thức pháp luật của các tầng lớp nhân dân nói chung và của bị can, bị cáo và gia đình họ về vai trò, vị trí của luật sư trong TTHS còn nhiều hạn chế. Vì vậy, trong thực tiễn số vụ án hình sự xét xử có luật sư tham gia phiên toà không nhiều. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có ba huyện miền núi, có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống, thuộc diện huyện nghèo của nước nên được hưởng chế độ trợ giúp pháp lý miễn phí. Các trợ giúp viên pháp lý khi tham gia bào chữa cho bị cáo thường không tranh tụng gì nhiều, chủ yếu đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho bị cáo nên Kiểm sát viên hầu như không phải tranh tụng mà chỉ đối đáp lại lời đề nghị của trợ giúp viên pháp lý.

Mặt khác, việc nhận thức của công dân về quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng không đúng và đầy đủ lại không được các cơ quan tiến hành tố tụng hướng dẫn, giải thích nên các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ không được thực hiện đầy đủ

2.3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Định

2.3.1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Từ khi có Nghị quyết 08 và 49 của Bộ Chính trị, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể được nêu trong Nghị quyết, Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp đổi mới nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án

hình sự, trong đó có nội dung nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự, bảo đảm sự tôn nghiêm dân chủ của pháp luật, sự phán quyết của Tòa án được khách quan, chính xác, đúng sự thật của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không để xảy ra trường hợp oan sai, góp phần nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án, chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự.

Lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, chủ động phối hợp với Tòa án mở nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm; phân công Kiểm sát viên có kinh nghiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại các phiên tòa, có sự phối hợp tốt giữa Viện kiểm sát và Tòa án trong việc chọn và tổ chức phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp. Sau khi kết thúc phiên tòa đều tổ chức rút kinh nghiệm chung. Nhiều phiên tòa việc tranh luận diễn ra sôi nổi, giúp cho Kiểm sát viên tham dự phiên tòa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố của mình.

Các Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự đã nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình tại phiên tòa nên có sự chuẩn bị kỹ trước khi tham gia xét xử. Việc tranh luận của Kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng diễn ra bình đẳng, dân chủ và công khai, người tham gia tố tụng được trình bày hết ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan, Kiểm sát viên tích cực và chủ động trong tranh luận nên hầu hết những ý kiến đưa ra đều được làm sáng tỏ, bảo đảm tính khách quan và có sức thuyết phục. Tình trạng Kiểm sát viên không tranh luận, đối đáp những ý kiến của bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng đã được khắc phục. Xuất phát từ việc thực hiện tốt việc tranh tụng và luận tội nêu trên hầu hết các phiên tòa đều được dư luận đồng tình và tin tưởng vào việc giải quyết của các cơ quan pháp luật.

2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

2.3.2.1. Về pháp luật

Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành ở nước ta tuy đã có những quy định cho việc đảm bảo tranh tụng tại phiên tòa, tuy nhiên những quy định đó vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp, vẫn còn những hạn chế, bất cập. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi nêu ra những hạn chế sau:

Trước hết, trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chưa quy định tranh tụng là một nguyên tắc của hoạt động xét xử, vì vậy trong từng điều luật tại các chương về xét xử cũng chưa thể hiện hết toàn bộ tinh thần của tranh tụng và như thế việc đảm bảo cho tranh tụng tại phiên tòa chưa đạt hiệu quả cao nhất.

Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nên có vai trò là trọng tài phán quyết vụ án, để việc xét hỏi theo hướng buộc tội là của đại diện Viện kiểm sát việc xét hỏi theo hướng gỡ tội là của luật sư bào chữa. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 vẫn có những điểm chưa phù hợp, điều đó làm cho các chủ thể tham gia tranh tụng không nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của mình trong tranh tụng nên không tích cực, chủ động trong việc thực hiện chức năng của mình mà ỷ lại và phụ thuộc vào Tòa án như: từ Điều 207 đến Điều 215 như hiện nay vẫn còn đặt quá nặng trách nhiệm chứng minh lên vai Hội đồng xét xử. Quy định tại Điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự: "Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng" trong đó có Tòa án, như vậy phải chăng Tòa án cũng là một cơ quan có chức năng buộc tội.

Thứ hai, bảo đảm sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tranh tụng là một điều kiện cơ bản của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa (đã được quy định tại Điều 19 Bộ luật tố tụng hình sự 2003). Nó là cơ sở để xác định tư cách tố tụng của người bào chữa, bị cáo không chỉ là một chủ thể mà còn là một bên tham gia tranh tụng bình đẳng với bên buộc tội. Tuy nhiên, việc thể hiện nội

dung ấy tại các điều luật cụ thể vẫn chưa được các nhà làm luật quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Ví dụ: tại các điều 187, 189, 190, 245, 280 Bộ luật tố tụng hình sự quy định trong mọi trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt phải hoãn phiên tòa, trong khi đó người bào chữa hoặc bị cáo và các chủ thể khác vắng mặt thì vẫn có thể tiến hành xét xử vụ án. Như vậy là chưa đảm bảo sự bình đẳng giữa các bên trong tranh tụng, tuy tiện lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng sẽ không bảo đảm được các quyền lợi của công dân đặc biệt là của bị cáo. Sự vắng mặt của Luật sư và của bị cáo ở phiên tòa sẽ làm cho quá trình tranh tụng mất đi ý nghĩa của nó bởi thiếu một bên tham gia và một chức năng quan trọng là bào chữa không được thực hiện.

Theo khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự, nếu bị can hoặc người đại diện hợp pháp cho họ không mời người bào chữa thì các cơ quan tiến hành tố tụng *phải* yêu cầu đoàn luật sư chỉ định Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ; nhưng quy định này chưa được các cơ quan điều tra và Viện kiểm sát quan tâm. Theo quy định của Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: "Trước khi hỏi cung, điều tra viên phải giải thích các quyền và nghĩa vụ cho bị can". Trên thực tế, hầu hết các bị can, nhất là bị can đang bị tạm giam (kể cả các trường hợp bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự) đều không được điều tra viên giải thích hoặc giải thích không đầy đủ về quyền được nhờ người khác bào chữa, quyền được cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn Luật sư chỉ định Văn phòng Luật sư cử người bào chữa cho mình. Cho nên, trong thời gian chưa kết thúc điều tra vụ án, hầu hết các bị can đang bị tạm giam đều không nhờ người khác bào chữa cho mình thông qua cơ quan điều tra hay được cơ quan điều tra yêu cầu Văn phòng Luật sư cử người bào chữa, mặc dù họ đang có nhu cầu này (nếu họ có người bào chữa là do người khác mời).

Chức năng bào chữa là một chức năng quan trọng trong quá trình tranh tụng, đây là trách nhiệm nghề nghiệp đồng thời cũng là nghĩa vụ của Luật sư trước bị can, bị cáo. Tuy nhiên, trong Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật hiện hành chưa xác định rõ tư cách tố tụng của Luật sư bào chữa trong tranh tụng và nghĩa vụ pháp lý của họ trước bị can, bị cáo; các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực và sức khỏe đối với những người hành nghề Luật sư cũng chưa được quy định chặt chẽ. Điều đó làm hạn chế đến khả năng thực hiện chức năng và nghĩa vụ của Luật sư trong quá trình tranh tụng.

Thứ ba, về giới hạn xét xử của Tòa án. Tại phiên tòa phán quyết của Tòa án phải dựa trên việc xem xét đánh giá những chứng cứ được đưa ra và tranh luận giữa các bên. Thế nhưng khi qua thẩm tra và đánh giá chứng cứ nếu xét thấy bị cáo phạm tội khác nặng hơn thì Hội đồng xét xử cũng không có quyền ra phán quyết về tội nặng hơn đó theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự: "Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố... Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố". Trong trường hợp này Hội đồng xét xử chỉ có thể căn cứ vào Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung. Như vậy, thủ tục này phải qua những khâu tố tụng lòng vòng mới giải quyết được vụ án, từ đó cho thấy tranh tụng tại phiên tòa chưa phải là căn cứ có tính quyết định với phán quyết của Tòa án.

Thứ tư, Viện kiểm sát là cơ quan đại diện cho Nhà nước thực hành quyền công tố, nói một cách khác, Viện kiểm sát là bên buộc tội thế nhưng Viện kiểm sát lại kiêm luôn cả chức năng kiểm sát việc xét xử, như vậy rõ ràng là không thể khách quan. Cần phải xác định Viện kiểm sát chỉ thực hành

quyền công tố vì như vậy mới tránh tình trạng vừa đá bóng và thổi còi, đồng thời Viện kiểm sát sẽ chuyên sâu hơn về nhiệm vụ của mình. Trong khi đó hiện tại chức năng kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát cũng không phát huy được tác dụng.

2.3.2.2. Nguyên nhân về những người liên quan đến tranh tụng tại phiên tòa

Trong tất cả những nguyên nhân dẫn đến việc tranh tụng tại phiên tòa không đúng với tinh thần tranh tụng nổi lên một nguyên nhân cơ bản đó là yếu tố con người. Hiện nay còn có những trường hợp mà năng lực, phẩm chất của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Hội thẩm nhân dân không đạt yêu cầu. Trong đó vấn đề cơ bản nhất là ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp của một số người tiến hành tố tụng chưa cao, một số khác thì sa sút về phẩm chất đạo đức, không chịu rèn luyện bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp. Trong quá trình xét xử, chất lượng phụ thuộc rất nhiều vào vai trò điều khiển của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, vai trò chủ động xét hỏi tranh luận của Kiểm sát viên. Do đó đòi hỏi họ phải vừa là người có cái tâm trong sáng đồng thời vừa là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị đã có từ ngày 2/1/2002 nhưng tinh thần của nó về tranh tụng không phải là đã được toàn bộ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên quán triệt. Ngay khi có Nghị quyết, việc đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao triển khai thực hiện ngay và quán triệt đến từng cán bộ, nhưng việc nắm bắt và vận dụng nó còn tùy thuộc vào ý thức mỗi người, nhất là trong giai đoạn hiện nay cơ chế để tạo ra tranh tụng vẫn còn chưa hoàn thiện.

Năng lực của Thẩm phán, Kiểm sát viên có vai trò rất lớn đến chất lượng của quá trình tranh tụng tại phiên tòa, được thể hiện ở hai khía cạnh là

trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm khi tham gia phiên tòa, đối với Thẩm phán là kỹ năng điều khiển phiên tòa và Kiểm sát viên là kỹ năng tranh tụng. Trong đó trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có ảnh hưởng rất lớn vì chủ yếu các trường hợp án bị cải sửa, hủy là do việc nắm và vận dụng pháp luật của Thẩm phán và Kiểm sát viên còn hạn chế.

Kinh nghiệm cũng có vai trò rất quan trọng bởi thực tiễn và lý thuyết rất khác xa nhau, có những trường hợp do kinh nghiệm xét xử chưa nhiều nên khi gặp những tình huống phức tạp thì ngay lập tức đưa hoạt động xét xử tại phiên tòa vào đúng quỹ đạo là rất khó khăn. Đối với Kiểm sát viên ngoài việc nắm vững những chi tiết của vụ án, việc nắm được những quy định của pháp luật thì kỹ năng tranh tụng cũng đóng vai trò quan trọng bởi đôi khi những điều nắm được ấy phải thể hiện ra bằng sự diễn thuyết và đối đáp ngay lập tức với Luật sư. Và để kỹ năng được nhuần nhuyễn trở thành khả năng hùng biện thì họ cũng cần phải có sự trải nghiệm nhiều lần qua các phiên tòa.

Luật sư tham gia bào chữa còn nặng về khai thác các tình tiết gỡ tội, giảm nhẹ nên các bài bào chữa của họ cũng ít quan tâm tới việc làm rõ các tình tiết của vụ án một cách đầy đủ, toàn diện; các vụ án có luật sư tham gia chủ yếu là luật sư chỉ định hoặc trợ giúp viên pháp lý nên chưa làm hết trách nhiệm của mình khi bảo vệ các bị cáo. Đội ngũ luật sư trên địa bàn tỉnh hiện nay ít người có được trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong việc tranh tụng…, đây thực sự là một vật cản rất lớn trong quá trình đổi mới hoạt động xét xử ở tỉnh Bình Định theo hướng tranh tụng.

Tham gia vào quá trình tranh tụng còn có bị cáo, người bị hại, người liên quan v.v... nhưng nhận thức, ý thức pháp luật trong một bộ phận nhân dân, đặc biệt là các huyện miền núi, người dân tộc thiểu số vẫn còn hạn chế. Họ tham gia vào các giai đoạn tố tụng còn chưa nắm vững được luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình, nên chưa thể ý thức được rằng họ tham gia

vào quá trình tố tụng ấy cũng là để bảo vệ pháp luật, giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan tư pháp; Nhất là hiện nay công tác hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực tư pháp chưa sâu rộng.

Trong giai đoạn hiện nay, số lượng đội ngũ cán bộ trong cơ quan tư pháp nói chung và Viện kiểm sát, Tòa án nói riêng ở tỉnh còn thiếu. Số lượng Thẩm phán của cả tỉnh đến năm 2015 là 95, trong đó có 26 Thẩm phán trung cấp, 69 Thẩm phán sơ cấp. Chính vì số lượng án quá nhiều nhưng việc giải quyết vụ án phải kịp thời hạn luật định nên nhiều khi thời gian nghiên cứu hồ sơ của Thẩm phán không đủ, khó có thể đảm bảo về chất lượng của mọi vụ án.

Đội ngũ Kiểm sát viên có khá hơn về số lượng, cả tỉnh đến nay có 115 Kiểm sát viên, trong đó Kiểm sát viên trung cấp: 40, Kiểm sát viên sơ cấp 75, nhưng với lượng công việc như hiện nay thì cũng vẫn không đủ. Do số lượng còn thiếu nên việc nghiên cứu hồ sơ và việc chuẩn bị cho phần tranh luận tại phiên tòa chắc chắn sẽ còn hạn chế.

2.3.2.3. Về cơ chế thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa

Như phần trên đã nêu, hệ thống pháp luật tố tụng hình sự của chúng ta hiện nay theo luận chứng của nhiều chuyên gia là hệ thống pháp luật đặc trưng của tố tụng thẩm vấn, kiểu tố tụng này đã cùng chúng ta trải qua những năm tháng trong công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm và đã phần nào hình thành ý thức trong những người tiến hành tố tụng. Do vậy quan điểm, tác phong, thói quen, lề lối làm việc đã được hình thành bởi những năm tháng gắn bó với nghề nghiệp đã có ảnh hưởng không ít đến việc thực hiện theo tinh thần tranh tụng mới, để có sự thay đổi ngay lập tức về ý thức tranh tụng trong mỗi người là điều không thể.

Hiện nay cơ chế để đảm bảo cho việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa còn nhiều vấn đề. Từ việc tạo ra hành lang pháp lý để tạo ra cơ chế, ý thức

của người tham gia tranh tụng đến những quy chế kiểm tra giám sát để đảm bảo thực hiện, với những chế tài nghiêm khắc khi phát hiện vi phạm và kịp thời khen thưởng những trường hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ vẫn chưa hoàn thiện. Chẳng hạn, tại phiên tòa nếu Viện kiểm sát không chủ động xét hỏi làm rõ những tình tiết buộc tội, không đối đáp trực tiếp đúng vấn đề mà luật sư đ-ưa ra; đồng thời việc ghi lại diễn biến của toàn bộ vụ án tại phiên tòa không chính xác, khách quan thì sẽ xử lý như thế nào v.v... Thu thập tài liệu chứng cứ là việc rất quan trọng để Luật sư có thể tham gia tranh luận một cách bình đẳng tại phiên tòa, nhưng nếu cơ quan điều tra, Viện kiểm sát gây khó khăn trong việc cấp giấy phép bào chữa cho Luật sư thì chế tài nào xử lý v.v... Và rất nhiều vấn đề cần phải có sự quy định cụ thể để tạo ra một cơ chế đồng bộ chuẩn xác cho việc thực hiện tranh tụng.

2.3.2.4. Về cơ sở vật chất

Một nguyên nhân cũng không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đảm bảo tính trang nghiêm của Tòa án là cơ sở vật chất. Trong những năm gần đây, để đáp ứng yêu cầu của tiến trình cải cách tư pháp, Nhà nước đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thật phục vụ cho việc tranh tụng tại phiên tòa chưa được bảo đảm, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác xét xử nói chung và việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm nói riêng. Những trang thiết bị cần thiết như: hệ thống âm thanh, máy ghi âm, ghi hình, máy tính, máy chiếu, màn hình trình bày chứng cứ…phục vụ cho tranh tụng tại phiên tòa còn chậm được trang bị.

Một số nơi, phòng xét xử còn quá chật hẹp, khó khăn trong việc sắp xếp chỗ ngồi của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng nên không đảm bảo tính trang nghiêm của Tòa án; không có phòng cách ly người làm chứng và các bên tham gia tố tụng nên phần nào ảnh hưởng đến

quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Hàng năm, mỗi huyện đều tổ chức đưa đi xét xử lưu động từ 10-15 vụ nhưng không có phương tiện vận tải phục vụ cho công tác xét xử lưu động.

Kết luận chương 2

Từ những số liệu thực tế và việc khảo sát tình hình xét xử tại các phiên tòa ở tỉnh Bình Định có thể khẳng định một số phiên tòa việc tranh tụng còn diễn ra hình thức và hời hợt vẫn chưa mang lại kết quả như mong đợi. Sau khi có Nghị quyết 08/NQ-TW, tranh tụng tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Luật sư thực hiện tốt hơn thể hiện ở những phiên tòa mẫu và nhiều phiên tòa khác, thế nhưng vẫn còn những phiên tòa diễn ra không đúng với tinh thần của tranh tụng, không đáp ứng đòi hỏi của cải cách tư pháp, việc xét hỏi diễn ra đơn giản, chủ yếu dựa vào kết quả điều tra trong hồ sơ vụ án..., phiên tòa nhiều khi diễn ra tẻ nhạt một chiều. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa chưa thể hiện vai trò tranh tụng, đôi khi không có cơ hội để tranh tụng, kết luận của Kiểm sát viên theo một khuôn mẫu chung, chất lượng bào chữa của Luật sư tại phiên tòa chưa cao, ít có những bài bào chữa đặc sắc mà chỉ tập trung vào những tình tiết vụn vặt hoặc câu chữ v.v... Từ thực trạng xét xử và tranh tụng tại phiên tòa như đã nêu trên thì việc tìm ra nguyên nhân là vô cùng quan trọng. Pháp luật tố tụng hình sự là cơ sở quan trọng nhất để việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa đạt hiệu quả nhưng thực tế cho thấy những quy định của pháp luật để tạo ra sự tranh tụng thực sự nghiêm túc và bình đẳng giữa các bên vẫn còn sơ hở, những cơ chế thực hiện nó cũng như những quy định khác của pháp luật tạo điều kiện cho quá trình tranh tụng còn thiếu và không đồng bộ. Bên cạnh đó, năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức của những người tham gia vào quá trình tranh tụng chưa đáp ứng được với yêu cầu của tranh tụng, cơ sở vật chất còn nghèo nàn lạc hậu... Những nguyên nhân và tồn tại trên đang là

những đòi hỏi cấp bách phải có những giải pháp đúng đắn và đồng bộ để tranh tụng tại phiên tòa thực sự được diễn ra hiệu quả nhất trên thực tế.

Chương 3
NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Hơn 10 năm thực hiện cải cách tư pháp (có thể lấy mốc thời gian từ khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002), cải cách tư pháp hình sự nói riêng đã có những bước tiến đáng kể song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của TTHS, cải cách tư pháp đặt yêu cầu đòi hỏi phải đổi mới mô hình TTHS Việt Nam theo hướng tiếp thu những yếu tố tích cực của TTHS tranh tụng. Trên cơ sở đánh giá thực trạng mô hình TTHS và làm rõ những tiền đề, thách thức khi áp dụng TTHS tranh tụng vào nước ta và tham khảo kinh nghiệm đổi mới TTHS các nước, việc nâng cao hiệu quả tranh tụng tại tòa phải dựa trên kết quả hoàn thiện mô hình TTHS Việt Nam và cần được triển khai theo hướng xây dựng mô hình TTHS pha trộn, duy trì và phát huy những yếu tố tích cực trong mô hình TTHS hiện hành, tiếp thu những yếu tố tích cực của mô hình TTHS tranh tụng phù hợp với các điều kiện cụ thể của nước ta. Việc tiếp thu, học hỏi các yếu tố của mô hình TTHS tranh tụng được thể hiện ở những chế định cơ bản như: bổ sung và làm rõ hơn một số nguyên tắc TTHS tiến bộ; phân định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể gắn với sự phân chia các chức năng cơ bản trong TTHS; đổi mới thủ tục xét xử tại phiên tòa, chế định chứng cứ, chứng minh; hoàn thiện chế định thời hạn tố tụng; phân định các giai đoạn TTHS.

Tranh tụng tại phiên tòa hình sự là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, là yêu cầu cấp bách trong việc đảm bảo tính công bằng dân chủ giữa người tham gia tố tụng với Viện kiểm sát, là căn cứ để xác định sự thật vụ án và là cơ sở để Hội đồng xét xử ra

bản án đúng đắn, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xác định tầm quan trọng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, tại các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/01/2002, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010 v.v… đã xác định tầm quan trọng của tranh tụng trong xét xử, coi nội dung này là một trong những nội dung trọng tâm của cải cách tư pháp, là khâu đột phá của cải cách tư pháp.

Cải cách tư pháp luôn được coi là một bộ phận quan trọng gắn liền với nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt nam. Mục tiêu của cải cách tư pháp là xây dựng một hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh có phương thức tổ chức, hoạt động khoa học, hiện đại góp phần quan trọng vào việc giữ gìn trật tự kỷ cương phép nước. Nội dung chủ yếu của cải cách tư pháp là củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp, phân định lại thẩm quyền của Toà án, đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và cơ quan, tổ chức bổ trợ tư pháp.

Trong hoạt động tư pháp, hoạt động xét xử được coi là khâu trọng tâm vì ở đây biểu hiện sự tập trung và thể hiện đầy đủ quyền tư pháp, là nơi trên cơ sở kết quả điều tra, truy tố và bào chữa, Toà án nhân danh Nhà nước đưa ra phán xét một người có tội hay không có tội. Do vậy một phán xét chính xác, khách quan và đúng pháp luật hay không, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân có được bảo đảm hay không phụ thuộc vào quá trình điều tra, truy tố và xét xử từ phía cơ quan tiến hành tố tụng, mặt khác từ phía hoạt động tích cực của của quá trình tranh tụng tại phiên tòa.

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian gian tới đã xác định: *"Nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng dân chủ với luật sự, người bào chữa và những người tham gia*

tố tụng khác"; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp cũng ghi rõ: *"Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp";* Kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010 v.v… đã xác định tầm quan trọng của tranh tụng trong xét xử, coi nội dung này là một trong những nội dung trọng tâm của cải cách tư pháp, là khâu đột phá của cải cách tư pháp. Tư tưởng chỉ đạo về tranh tụng trong các Nghị quyết của Đảng nêu trên nhằm bảo đảm cho phán quyết của Tòa án được khách quan, chính xác đúng sự thật của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không để xảy ra các trường hợp oan sai.

Quan điểm, chủ trương của Đảng về hoạt động tranh tụng đã được thể chế hóa ở Hiến pháp 2013. Tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp quy định *"Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo"*. Như vậy, lần đầu tiên, việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử được ghi nhận thành một nguyên tắc, thể hiện bước tiến lớn trong hoạt động xây dựng pháp luật và phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta.

Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ thiếu sót về trình độ nghiệp vụ và công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp: *"Bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt giam giữ, truy tố, xét xử…"* Vì vậy, yêu cấp bách trong giai đoạn hiện nay đối với những người làm trong các cơ quan tố tụng phải tự rèn luyện, ý thức chính trị và đạo đức của mình; nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

3.2.1. Đảm bảo nhận thức về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Chủ trương tranh tụng trong tiến trình cải cách tư pháp hình sự là một chủ trương đúng đắn, đã được kiểm nghiệm thông qua tổng kết thực tiễn. Thực tiễn chỉ ra rằng, nhân tố con người là nhân tố quyết định đảm bảo tranh tụng. Con đường biện chứng của nhận thức chân lý theo quan điểm của Mác-Lênin là "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn". Do vậy, để tăng cường tranh tụng chủ thể của tranh tụng phải được nhận thức và thấm nhuần về chủ trương tranh tụng. Từ nhận thức đến hành động thực tiễn là một quá trình tuy thống nhất nhưng không phải lúc nào cũng đồng nhất, tuy nhiên chỉ có thể nhận thức đúng về nó thì chủ thể mới hành động đúng.

Khi nhận thức toàn diện, đầy đủ về tranh tụng, sự cần thiết của tranh tụng thì chủ thể mới tọa điều kiện thuận lợi cho nhau trong quá trình đi tìm chân lý khách quan của vụ án và nó trở thành kim chỉ nam định hướng cho hành động của các chủ thể khi tham gia vào quá trình tố tụng. Đây là điểm đầu tiên và quan trọng nhất để thay đổi động lực và cách thức ứng xử của chủ thể tranh tụng. Để làm được vấn đề này không phải dễ dàng, vì từ lâu lề lối làm việc cũ đã đi vào tiềm thức của các chủ thể tiến hành tố tụng, mặt khác chúng ta đổi mới pháp luật thực định mà chúng ta chưa có giải pháp đổi mới tư duy của người áp dụng pháp luật-vấn đề quan trọng bậc nhất cần đổi mới. Thiết nghĩ, chúng ta phải thường xuyên đào tạo, tập huấn nhằm trang bị tư duy đổi mới thủ tục cho chủ thể tiến hành tố tụng thì mới giải quyết nhiều vấn đề vướng mắc làm cản trở tranh tụng như hiện nay.

Những tư duy chính trị và pháp luật mới ra đời rất chậm được ăn sâu, bám rễ và hay gặp sự phản kháng từ phía những người và nhóm xã hội bảo thủ, do đó cần kiên nhẫn chờ đợi để những tư tưởng ấy được phổ biến rộng rãi

trên các phương tiện thông tin đại chúng và ngấm sâu vào nhận thức của nhóm xã hội của từng cá nhân [41, tr. 174].

Tổng kết thực tiễn cải cách tư pháp có nêu "Nhận thức của các cán bộ tư pháp về chủ trương tăng cường tranh tụng chưa nhất quán, chưa xác định đúng vị trí, vai trò, quyền hạn, trách nhiệm của Luật sư trong quá trình tố tụng; việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tranh tụng chưa được quan tâm đúng mức. Các phiên tòa thực hiện chủ trương tranh tụng không nhiều, chưa đúng định hướng, hiệu quả chưa cao" [6, tr. 23].

Tranh tụng là hoạt động phản biện, là một trong những phương tiện hướng đến tìm ra chân lý, bảo vệ quyền con người của người tham gia tố tụng. Mặt khác, tranh tụng còn mục tiêu bảo vệ chủ thể tiến hành tố tụng qua việc phản biện giúp họ cân nhắc trong khi thực hiện hành vi tố tụng hoặc ban hành các quyết định tố tụng, tránh trường hợp buộc tội oan, xâm hại quyền con người. Với ý nghĩa như vậy, tranh tụng phải được nhận thức và đảm bảo thực hiện trên thực tế theo các nội dung sau:

Thứ nhất, nhận thức tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản của TTHS. Việc đưa nguyên tắc "tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" là một nguyên tắc trong BLTTHS năm 2015. Đây chính là tiền đề mở ra những thay đổi trong nhận thức, trong tiến trình cải cách tư pháp và hội nhập của nước ta hiện nay.

Thực tiễn giải quyết vụ án hình sự trong xu thế chống oan sai và đề cao quyền con người đòi hỏi tranh tụng phải được nhận thức là một nguyên tắc của TTHS, trong đó coi tranh tụng tại phiên tòa là khâu đột phá nhất. Tuy tranh tụng trong xét xử đã được ghi nhận là một nguyên tắc trong BLTTHS nhưng để nhận thức đúng, thực hiện đúng và vận dụng vào thực tiễn là một quá trình khó khăn, phức tạp và đòi hỏi cần có thời gian.

Thứ hai, đảm bảo thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội.

Quyền bào chữa là một trong những quyền cơ bản của công dân, được Hiến pháp năm 2013 quy định tại khoản 4 Điều 31 "Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa". Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng phạm vi đối tượng được bảo đảm quyền bào chưa, không chỉ bị cáo mới có quyền bào chữa như các bản Hiến pháp cũ quy định mà ngay từ khi một người bị bắt, đã phát sinh quyền tự bào chữa hoặc nhờ Luật sư bào chữa đối với họ. Như vậy, quyền bào chữa được đảm bảo bởi đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất là Hiến pháp và được quy định cụ thể trong BLTTHS.

Đảm bảo quyền bào chữa là đảm bảo quyền tiếp cận công lý của người bị buộc tội. Mục tiêu cuối cùng của giải quyết vụ án hình sự là công lý, cho nên trong hoạt động thực tiễn của mình, các chủ thể tiến hành tố tụng phải nhận thức và đảm bảo cho người bị buộc tội quyền tiếp cận công lý thông qua quyền bào chữa, nhất là quyền nhờ người bào chữa.

Để đảm bảo quyền bào chữa cần phải thay đổi nhận thức về vai trò, vị trí của người bào chữa trong TTHS. Phải công tâm nhìn nhận rằng nghĩa vụ mà người bào chữa phải thực hiện trước tiên đó là nghĩa vụ của công dân, người bào chữa phải làm tròn bổn phận của công dân là bảo vệ pháp chế, bảo vệ công bằng và công lý xã hội. Vì thế sẽ rất phiến diện khi cho rằng sự có mặt của người bào chữa sẽ gây khó khăn, cản trở cơ quan tố tụng trong quá trình đi tìm sự thật khách quan, công lý.

3.2.2. Đảm bảo về kỹ năng và cơ chế thực hiện tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

3.2.2.1. Nâng cao kỹ năng tranh tụng của chủ thể tranh tụng

Để đảm bảo tranh tụng, các chủ thể tranh tụng cần nâng cao một số kỹ năng:

Đối với Kiểm sát viên

Thứ nhất, phải nâng cao kỹ năng nắm vững vụ án, nắm vững chứng cứ buộc tội và gỡ tội, nắm vững tính hệ thống của chứng cứ, các mối liên hệ qua lại giữa các tài liệu, chứng cứ; tìm ra những mâu thuẫn, những điểm chứng cứ buộc tội còn yếu, dự kiến nếu bị cáo chối tội cần dùng chứng cứ nào để buộc tội. Nắm vững bản chất của vụ án và khả năng phán đoán những vấn đề có thể phát sinh đến đối tượng tranh tụng.

Thứ hai, phải có kỹ năng nghiên cứu và nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, TTHS và các văn bản hướng dẫn, các quy định của pháp luật có liên quan nhằm vận đụng đúng đắn, chính xác khi tham gia tranh tụng. Sự hiểu biết và nắm vững pháp luật sẽ tạo ra niềm tin nội tâm vững chắc cho Kiểm sát viên khi tranh tụng, khi khẳng định quan điểm truy tố hoặc khi bác bỏ quan điểm của người tranh tụng khác.

Thứ ba, phải có kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, trong đó có các kỹ năng tranh tụng bằng lời, có văn hóa ứng xử trong giao tiếp tại phiên tòa như: kỹ năng tham gia xét hỏi; kỹ năng đối đáp, phản bác các quan điểm sai trái của đối phương; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ đơn giản, tự nhiên, trong sáng, lưu loát, dễ hiểu, hành văn mạch lạc, có sức thuyết phục, ứng xử có văn hóa, luôn giữ thái độ bình tĩnh, tự tin, không nên nóng nảy, dùng từ ngữ mang tính xúc phạm, miệt thị, thể hiện sự nghiêm minh, dân chủ, đúng pháp luật, tôn trọng người tranh luận.

Đối với người bào chữa: Tranh tụng tại phiên tòa, trọng tâm là đối đáp tại phiên tòa, là phần việc hết sức quan trọng, là cơ sở đánh giá khả năng hùng biện của người bào chữa. Đối đáp là sự phản biện qua lại giữa hai bên trên cơ sở cọ xát giữa chứng cứ, là một trong những phương tiện làm bộc lộ sự thật khách quan, là phần được HĐXX, những người tham gia tố tụng và mọi người tham dự phiên tòa hết sức chú ý. Trong khi đối đáp người bào chữa cần trình bày rõ luận cứ của mình, viện dẫn chính xác các văn bản pháp luật tham

chiếu; nên đi thẳng vào từng nội dung mà Kiểm sát viên nêu ra khi đối đáp. Khi đối đáp người bào chữa cần phải nắm vững các kỹ năng và yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, phải tôn trọng sự thật khách quan. Mục đích của tranh tụng là tìm ra sự thật các tình tiết của vụ án. Vì vậy, người bào chữa phải kiên quyết đấu tranh với những vi phạm của phía buộc tội nếu phát hiện sự thật khách quan bị bóp méo. Phải cầu thị chấp nhận những cái đã rõ ràng, không nên phủ định sạch trơn, lý lẽ nêu ra phải có tính thuyết phục với phía đối tượng và HĐXX.

Thứ hai, phải đảm bảo tôn trọng nguyên tắc tối thượng của pháp luật. Việc tranh tụng tại phiên tòa được diễn ra công khai, ngoài Kiểm sát viên, HĐXX, những người tham gia phiên tòa còn có những người khác tham dự, vì vậy trong khi tranh luận, đối đáp Luật sư phải là người thông hiểu pháp luật, tôn trọng mọi quy định của pháp luật; luận cứ đưa ra phải có căn cứ, có sức thuyết phục.

Thứ ba, đảm bảo tính văn hòa khi tranh tụng, khi trình bày lời bào chữa hoặc khi đối đáp với phía buộc tội, Luật sư cần phải có thái độ bình tĩnh, không nóng nảy, giữ phong thái lịch sự, không dùng lời lẽ nặng nề, đao to búa lớn, xúc phạm người khác. Ứng xử mềm dẻo, khả năng hùng biện tốt, tôn trọng người khác …là hình ảnh tốt đẹp mà luật sư để lại sau phiên tòa.

Người bào chữa là người duy nhất sẽ xem xét vụ án với cách "đảo chiều" so với bên buộc tội. Do vị trí quan trọng như vậy nên người bào chữa nói chung và Luật sư nói riêng phải luôn phấn đấu học tập, trau dồi trình độ khoa học pháp lý để có thể kịp thời phát hiện những vi phạm,thiếu sót của phía buộc tội, kiên quyết bảo vệ chân lý, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho thân chủ của mình. Không chỉ tinh thông về nghiệp vụ, người bào chữa cần phải có kỹ năng hành nghề giỏi. Kỹ năng hành nghề là điều mà các Luật sư cần phải rèn

luyện, học tập lâu dài. Có kiến thức pháp luật tinh thông, có kỹ năng hành nghề giỏi sẽ tạo ra "thương hiệu:, vị thế của Luật sư.

Đối với Thẩm phán: Theo quy định của BLTTHS năm 2015, thì chủ tọa phiên tòa vừa là người tiến hành tố tụng vừa là người điều khiển toàn bộ hoạt động tố tụng tại phiên tòa.

Với vai trò là người tiến hành tố tụng, chủ tọa phiên tòa phải thực hiện đầy đủ, chính xác các công việc mà BLTTHS quy định đối với chủ tọa phiên tòa, đồng thời chịu trách nhiệm chính về những vấn đề BLTTHS quy định đối với HĐXX, thay mặt HĐXX công bố những quyết định đã được thông qua trong phòng nghị án cũng như tại phòng xử án.

Vai trò của người điều khiển phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải là người tổ chức, người chỉ huy cao nhất đối vợi mọi hoạt động tố tụng và hành vi tố tụng tại phòng xử án.

Để tổ chức và điều khiển phiên tòa đạt kết quả, chủ tọa phiên tòa phải nắm vững các kỹ năng sau đây:

Thứ nhất, chỉ giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng cho những người tham gia tố tụng, tuyệt đối không đươc giải thích, bình luận, đánh giá hành vi phạm tội, các tình tiết là yếu tố định tội, yếu tố định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì đây là biểu hiện của sự tranh luận. Tránh trường hợp làm cho ngươi tham gia phiên tòa cho rằng, Tòa án và Viện kiểm sát là một bên, còn bị cáo và người tham gia tố tụng một bên, cảm giác thiếu khách quan, thiếu dân chủ tại tòa.

Thứ hai, kỹ năng để sắp xếp hỏi theo một thứ tự hợp lý là một yêu cầu mà chủ tọa phiên tòa phải dự kiến trước, căn cứ vào các tình tiết của vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nếu vụ án chỉ có một bị cáo bị truy tố về một tội thì việc xác định xét hỏi theo một thứ tự hợp lý không phức tạp bằng vụ án có nhiều bị cáo bị truy tố về nhiều tội khác nhau.

Để việc xét hỏi được hợp lý theo một thứ tự nhất định, tránh nhầm lẫn, trùng lặp, đối với vụ án có nhiều bị cáo bị truy tố về nhiều tội khác nhau, chủ tọa phiên tòa nên quy về trường hợp vụ án có một bị cáo bị truy tố về một hành vi phạm một tội. Tức là, xét hỏi hết hành vi phạm tội này đến hành vi phạm tội khác đối với một bị cáo và lần lượt hỏi các bị cáo khác trong vụ án.

Trong quá trình điều khiển việc xét hỏi, chủ tọa phiên tòa phải thường xuyên theo dõi; nếu thấy câu hỏi có tính chất mớm cung, ép cung hoặc những câu hỏi có liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật công tác, bí mật điều tra, xúc phạm nhân phẩm, danh dự con người thì phải yêu cầu người hỏi đặt lại câu hỏi hoặc yêu cầu người hỏi đổi lại câu hỏi.

Như vậy, để bảo đảm việc tranh tụng tại phiên tòa dân chủ, khách quan, chủ tọa phiên tòa chỉ hướng dẫn, chỉ huy, lắng nghe để việc tranh tụng diễn ra theo một trật tự nhất định. Vai trò của chủ tọa phiên tòa được ví như "trọng tài chính trên sân cỏ", mọi cử chỉ hành động của chủ tọa phiên tòa phải thể hiện tính dân chủ, khách quan, công minh; mọi nhận xét đánh giá của chủ tọa phiên tòa chỉ nên thể hiện trong phòng nghị án và trong phần nhận xét của bản án.

Để nâng cao tranh tụng, báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Nghị quyết số 49 tiếp tục định hướng "Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính dân chủ, công bằng, nghiêm minh. Nghiên cứu xác định rõ nội hàm và xây dựng cơ chế để Tòa án nhân dân thực hiện đầy đủ quyền tư pháp. Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng và hiệu quả tranh tụng, coi đây là khâu đốt phá của cải cách tư pháp" [6, tr. 30]. Phiên tòa là biểu hiện thực tế của công lý, do vậy ngoài những quy định pháp luật mang tính cơ bản , khái quát tạo cơ sở pháp lý, hoạt động tại phiên tòa cần phải đượ dựa trên bộ quy tắc với những quy định chi tiết, cụ thể. Trên cơ sở phan tích thực tiễn, chúng

tôi đề nghị xây dựng bộ quy tắc điều khiển phiên tòa, tiến tới xây dựng bộ quy tắc ứng xử chung tại phiên tòa.

3.2.2.2. Tòa án thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc độc lập xét xử

Tòa án xét xử độc lập là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất để phán quyết của Tòa án đạt được công lý đó là nguyên tắc độc lập xét xử. Thực tiễn xét xử ở nước ta Tòa án có nhiều biểu hiện chưa thực hiện nghiêm nguyên tắc này, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng nguyên nhân chính là do cơ chế, đặc thù chính trị và cách thức thực thi quyền lực nhà nước. Để chủ trương lấy kết quả tranh tụng làm cơ sở ra phán quyết thì Tòa án phải thực sự độc lập xét xử.

Nguyên tắc Tòa án độc lập xét xử là nguyên tắc của các nền pháp luật tiên tiến trên thế giới, để Việt Nam không bị cou là nước dị biệt trong xét xử, khi thực thi quyền lực Nhà nước cần hạn chế đến mức thấp nhất việc can thiệp làm triệt quyền độc lập xét xử của Tòa án, để Tòa án thực dự là nơi mà người dân tin tưởng là biểu trưng của công lý.

BLTTHS năm 2003 đã trao nguyên tắc độc lập xét xử cho Tòa án và BLTTHS năm 2015 tiếp tục khẳng định nguyên tắc này nhưng việc thực hiện nguyên tắc này trong thực tiễn xét xử chưa thực sự nghiêm túc, chưa đạt được kết quả như mong muốn. Nhiều phiên tòa hoạt động tranh tụng trở nên mờ nhạt, giống như đọc kịch bản đã có sẵn, thiếu đi tính kịch tính của một cuộc tranh luận nảy lửa, một cuộc chiến pháp lý thực sự để Tóa án lấy kết quả của nó làm cơ sở ra phán quyết như "nguyên lý" đã khẳng định.

Vấn đề cấp bách cần phải giải quyết hiện nay là hạn chế oan, sai trong TTHS, vì thế Tòa án phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc độc lập trong xét xử. Tòa án không buộc tội bằng mọi giá mà phán quyết giữa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có hay không có căn cứ để kết tội; kiên quyết tuyên

bị cáo vô tội trong trường hợp không có căn cứ kết tội; tuyên phạt theo đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, không quá nặng hoặc quá nhẹ.

3.2.3. Thực hiện đúng nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm trong xét xử của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

BLTTHS năm 2015 đã quy định "Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" là một nguyên tắc nhưng để thực hiện đúng, đầy đủ theo nguyên tắc này cần thiết phải có một hệ thống các bảo đảm về pháp lý quy định đầy đủ, hợp lý và khả thi về địa vị tố tụng của các bên tham gia tố tụng tại phiên tòa. Quy định về điều kiện, khả năng thực hiện các nội dung tranh tụng tại phiên tòa theo đúng chức năng, nhiệm vụ của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quyền, lợi ích của họ; đảm bảo các bên tham gia tố tụng được tranh tụng một công khai, công bằng và bình đẳng trước tòa. Quy định các quy tắc ứng xử của Kiểm sát viên, Thẩm phán, Luật sư khi tham gia phiên tòa. Đồng thời nâng cao trình độ, nhận thức của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, đảm bảo cho họ có đủ năng lực về chuyên môn, về phong cách, về khả năng diễn đạt để thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa. Những trường hợp người tham gia tranh tụng không có khả năng đó thì nhất thiết phải được sự trợ giúp của luật sư.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và trước đây, mô hình tố tụng hình sự của nước ta thuộc mô hình tố tụng thẩm vấn và trên thực tế đã thực hiện nhiều năm nay, chúng ta đang kết hợp giữa tố tụng thẩm vấn và tranh tụng, nên rất coi trọng những tài liệu chứng cứ thu thập được trong giai đọa điều tra. Chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa phụ thuộc rất nhiều vào các tài liệu chứng cứ thu thập được ở giai đoạn điều tra. Mặc dù Tòa án chỉ căn cứ vào kết quả điều tra công khai tại phiên tòa, nhưng các chứng cứ thu thập được ở giai đoạn điều tra mà đầy đủ sẽ giúp cho Kiểm sát viên nắm chắc được các tình tiết của vụ án, những hạn chế trong công tác

điều tra, thái độ khai báo của bị cáo và những người tham gia tố tụng để dự thảo bản đề cương đối đáp tranh luận tại phiên tòa có chất lượng. Do đó, để nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa thì ngay trong giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên phải nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự.

3.2.4. Một số điều kiện khác

Thực hiện phiên tòa rút kinh nghiệm: Thực tiễn đã có nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm, tạo môi trường học tập thực tiễn quý giá cho các chủ thể tranh tụng. Đây là một giải pháp về mặt học thuật rất hữu hiệu giúp nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Phiên tòa rút kinh nghiệm là biện pháp tự đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó nhấn mạnh nội dung rút kinh nghiệm về kỹ năng tranh tụng.

Để đáp ứng chủ trương chống oan, sai hiện nay, cần phải tổ chức vụ án tranh tụng mẫu để rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, để tranh tụng tại phiên tòa có chất lượng, thực sự là tranh tụng thì không chỉ quan tâm đến tranh tụng tại phiên tòa mà phải tranh tụng trong giai đoạn điều tra về các vấn đề như các căn cứ khởi tố bị can, vấn đề hỏi cung bị can, cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho Luật sư, tạo điều kiện thuận lợi để Luật sư gặp bị can và tham gia hỏi cung; Kiểm sát viên giám sát hoạt động hỏi cung và hoạt động điều tra; Tòa án ghi nhận nội dung bào chữa của người bào chữa vào bản ản và lấy kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm cơ sở để tuyên án.

Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự: Trong quá trình cải cách tư pháp, Nhà nước đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho hoạt động tư pháp, trụ sở cơ quan tư pháp đã được xây dựng khang trang và đầu tư thiết bị hiện đại phục vụ xét xử. Tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất và trang thiết bị cho phòng xét xử chưa được bảo đảm. Nhiều phòng xét xử còn có diện tích nhỏ hẹp, không đủ không gian

để bố trí vị trí ngồi của HĐXX, Công tố viên, Luật sư và những người tham gia phiên tòa khác cho phù hợp và thể hiện tính trang nghiêm của phòng xử án. Hệ thống âm thanh, máy tính, máy ghi hình phục vụ cho các phiên tòa rút kinh nghiệm chưa được trang bị đầy đủ, vì vậy chất lượng của các phiên tòa rút kinh nghiệm chưa được truyền tải đầy đủ đến những người tham dự phiên tòa.

Kết luận chương 3

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định tranh tụng là một nguyên tắc trong TTHS. Tranh tụng tại phiên tòa có vai trò lớn trong việc xác định sự thật khách quan vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm làm oan người vô tội, tạo hành lang pháp lý cho việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tố tụng hình sự; góp phần xây dựng Cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tuy nhiên, quá trình thực thi trên thực tế vẫn còn những hạn chế làm cản trở tiến trình thực hiện tranh tụng. Vì vậy, cần có những giải pháp đồng bộ và phù hợp để có thể nâng cao hiệu quả tranh tụng góp phần thực hiện thành công cải cách tư pháp. Những giải pháp đó có thể là hoàn thiện nhiều lĩnh vực khác nhau của pháp luật, tạo cơ chế để Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, trong các văn bản pháp luật khác về các cơ quan tư pháp và bổ trợ tư pháp, các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát, Tòa án.., tạo ra những cơ chế đảm bảo cho thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, có những chế độ về lương và chính sách phù hợp...

Và với tất cả những giải pháp nêu trên có thể chưa chuẩn xác và hoàn toàn đầy đủ nhưng cũng góp phần nhỏ trong việc hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện cơ chế để tranh tụng phát huy được hiệu quả trên thực tiễn.

KẾT LUẬN

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi theo hướng "Tiếp tục duy trì và phát huy những ưu điểm của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn, đồng thời tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình TTHS tranh tụng, nhất là tăng cường các yếu tố tranh tụng tại phiên tòa xét xử, phù hợp với truyền thống, văn hóa, điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể của Việt Nam", nguyên tắc "tranh tụng trong xét xử được bảo đảm". BLTTHS năm 2015 được hoàn thiện trên cơ sở đề cao hiệu quả phòng ngừa, tính nhân đạo, hướng thiện và bảo vệ quyền con người trong việc xử lý người phạm tội.

Tranh tụng tại phiên tòa có vai trò hết sức quan trọng, nó không chỉ là sự đánh giá kết quả hoạt động của các giai đoạn điều tra, truy tố mà còn có tác dụng to lớn đối với chính giai đoạn xét xử. Nó chính là cơ chế tối ưu nhất để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị cáo, đảm bảo việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chính vì tầm quan trọng của nó nên Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" đã đề cập đến việc nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án là khâu trung tâm đột phá, quyết định của hoạt động tư pháp, phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa, phát huy được tối đa mặt tích cực của nó thì cần có sự nghiên cứu sâu sắc cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng tranh tụng tại phiên tòa.

Tranh tụng tại phiên tòa mà chúng ta hướng tới là "Quyền tự do của công dân quan trọng tới mức mọi cố gắng đều phải hướng tới việc đảm bảo sự can thiệp của chính quyền vào quyền này phải theo đúng pháp luật" và "yêu cầu các hoạt động tố tụng phải mang tính chính thức, tìm kiếm bằng chứng thông qua tranh tụng" [29, tr.62]. Vì vậy, mô hình tranh tụng hợp lý cần tạo cho bị can, bị cáo, người bào chữa của họ có được khả năng và vị thế ngang

với khả năng và vị thế của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc đi tìm sự thật cũng như chống lại những gì phi sự thật, phản sự thật. [36, tr.10].

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm phải được xem xét giải quyết ở góc độ thực tiễn, lấy đảm bảo quyền con người làm trục xoay của toàn bộ các hoạt động thực tiễn của TTHS. Nói cách khác, trong hoạt động của mình Cơ quan điều tra, VKS và Tòa án phải đề cao quyền con người, khi quyết định áp dụng các biện pháp tố tụng phải hết sức cân nhắc và chỉ áp dụng khi thực sự cần thiết.

Tranh tụng tại phiên tòa là một vấn đề lớn trong luật tố tụng hình sự. Đây đồng thời là chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó đòi hỏi mỗi Kiểm sát viên khi được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phải nắm chắc được hồ sơ, tình tiết vụ án và theo dõi chặt chẽ diễn biến tại tòa; luôn rèn luyện kỹ năng nói cho mọi người nghe được, hiểu được, tránh nặng nề, căng thẳng và nhạy bén kịp thời với các tình huống xảy ra tại phiên tòa.

Nghị quyết 08 và Nghị quyết 49 của Bộ chính trị về cải cách tư pháp đặt ra yêu cầu nội dung tranh tụng của kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử án hình sự là bước đột phá của hoạt động tư pháp. Vì vậy, việc nâng cao kỹ năng đối đáp, tranh tụng tại phiên tòa xét xử án hình sự là một yêu cầu cấp bách trong xu thế chống oan, sai, bảo vệ quyền con người, tiến tới xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Luận văn được nghiên cứu với sự giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo, cán bộ của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định và đặc biệt với sự giúp đỡ tận tình của Thầy hướng dẫn khoa học. Tuy nhiên với thời gian nghiên cứu có hạn, tác giả chưa giải quyết hết được những vấn đề liên quan đến vấn đề tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Định

trong giai đoạn trên. Quá trình thực hiện cũng có sai sót nhất định. Do đó, rất mong nhận được sự đóng góp của Quý thầy cô, anh, chị và các bạn. Xin chân thành cảm ơn ./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo cải cách tư pháp (2002), *Một số gợi ý về việc tổ chức phiên tòa hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp*.

2. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,* Nxb Chính trị quốc gia.

3. Lê Tiến Châu (2003), *Một số vấn đề về tranh tụng trong TTHS,* Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 1), tr. 40.

4. Nguyễn Kim Chi, *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng trong phiên tòa hình sự,* Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (số 191, 03/2011).

5. Nguyễn Ngọc Chí (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

6. Chính phủ (2002), *Chỉ thị số 10 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.

7. Trần Văn Độ (2004), *Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa,* Tạp chí khoa học pháp lý, (số 4).

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết 49-NQ/TW, ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị, về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020,* Ban chấp hành Trung ương, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW, ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020,* Ban chấp hành Trung ương, Hà Nội.

11. Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, (TS Nguyễn Ngọc Chí chủ biên), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

12. Trương Hồ Hải - Lê Thị Oanh (2014), *Góp ý sửa đổi BLTTHS nhằm đảm bảo nguyên tắc tranh tụng và suy đoán vô tội theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 - Góc nhìn từ thực tiễn vụ án hình sự,* Kỷ yếu hội thảo, Hiến pháp 2013 và vấn đề đổi mới TTHS ở Việt Nam, An Giang.

13. Phạm Hồng Hải (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

14. Nguyễn Thanh Hạo (2003), *Xây dựng pháp luật: Diễn đàn đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung dự án BLTTHS*, Tạp chí pháp lý, (số 8).

15. Tống Anh Hào (2004), *Về tranh tụng tại phiên tòa hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 5).

16. Nguyễn Văn Hiện (Chủ nhiệm đề tài) (1999), *Vấn đề tổ chức phiên tòa và việc thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng tại phiên tòa của Tòa án nhân dân,* Đề tài khoa học cấp bộ.

17. Nguyễn Văn Hiện (2003), *Kết luận bế mạc Hội nghị tổng kết công tác Ngành Tòa án nhân dân năm 2002 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2003*.

18. Phan Trung Hoài (2002), *Phán quyết của Tòa án phải dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa*, Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 10-10.

19. Quốc Huy (2000), *Lời tranh luận của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự*, Tạp chí kiểm sát, (số 5).

20. Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

21. Trần Linh (2004), *Về thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW*, Tạp chí Tòa án, (số 8).

22. Nguyễn Đức Mai (2003), *Vấn đề tranh tụng trong Dự thảo BLTTHS sửa đổi,* Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 10).

23. Vũ Mộc (2002) *Hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác theo tinh thần của Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ chính trị*, Thông tin khoa học pháp lý, (số 5, 6).

24. Từ Văn Nhũ (2002), *Nhận thức về tranh tụng tại phiên tòa hình sự và những kiến nghị giải pháp*, Thông tin khoa học pháp lý, (số 5, 6).

25. Từ Văn Nhũ (2002), *Đổi mới thủ tục xét xử nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 10, 11).

26. Elisabeth Pelsez (2003), *Tố tụng, tranh tụng và tố tụng xét hỏi*, Thông tin khoa học xét xử, (số 1).

27. Nguyễn Thái Phúc (2003), *Dự thảo BLTTHS (sửa đổi) và nguyên tắc tranh tụng,* Kỷ yếu hội thảo khoa học, Góp ý Dự thảo BLTTHS sửa đổi, Trường Đại học Luật TP. HCM.

28. Ngô Hồng Phúc (2003), *Vấn đề nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 2).

29. Lê Kim Quế (2004), *Người bào chữa trong giai đoạn điều tra*, Dân chủ và pháp luật, (số 12).

30. Đinh Văn Quế (2004), *Vai trò của Hội đồng xét xử trong việc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 1).

31. Đinh Văn Quế (2004), *Về chế định người bào chữa*, Tạp chí Tòa án, (số 3).

32. Đinh Văn Quế (2004), *Một số vấn đề về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án, (số 8).

33. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

35. Huỳnh Sáng (2004), *Về việc thực hiện thủ tục xét hỏi kết hợp với tranh tụng tại phiên tòa*, Tạp chí Tòa án, (số 3).

36. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2014 và nhiệm vụ trọng tâm cần tác năm 2015 của ngành TAND*, Hà Nội.

37. Trần Đại Thắng (2003), *Bàn về vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, Số chuyên đề (số 9).

38. Lê Hữu Thể (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tuc tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.

39. Lê Hữu Thể (2002), *Vấn đề tranh tụng trong hoạt động tố tụng hình sự và việc thể chế hóa trong quá trình hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Thông tin khoa học pháp lý, (số 5 + 6).

40. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Chuyên đề về tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp,* Hà Nội.

41. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành BLTTHS năm 2003,* Hà Nội.

42. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật-Những vấn đề cơ bản,* Nxb Khoa học xã hội, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

43. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2011), *Quyền con người,* Nxb Khoa học xã hội, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.